

Eric Henry

University of North Carolina

LỊCH SỬ BỊ NHẬN CHÌM CỦA NƯỚC VIỆT

Ngô Bắc dịch

Lời người dịch: Trong nguyên bản, có các trường hợp các địa danh, danh tính các nhân vật hay tác giả, nhan đề tác phẩm chỉ có phiên âm quốc tế. Người dịch, khi có thể kiểm chứng, bổ sung các chữ Hán, các phiên âm sang tiếng Việt, và các phụ chú khi cần thiết. Các phần bổ sung này được gồm trong các dấu *ngoặc thẳng, in nghiêng [.....]*. Người dịch cũng bổ sung bản đồ trung nguyên Trung Hoa cuối thời Xuân Thu trước khi bản dịch bắt đầu và Phụ Lục 1: Thanh Kiếm của Việt Vương Câu Tiễn ở phần cuối cùng, sau khi kết thúc bản dịch.

Bản đồ vùng trung nguyên của Trung Hoa cuối thời Xuân Thu.

Guiji: Cối Kê, địa danh nơi phát tích nước Việt nằm ngay dưới Hàng Châu

Chinese plain in the late Spring and Autumn period (5th century BC)



By Yug - Own work,*Background data: ETOPO1 + QGIS > then vectorized using Inkscape*Semantic data: some from Le Monde Chinois, Gernet, p58.or (en:) Gernet (1996) A History of Chinese Civilisation, Cambridge university press, p. 59, CC BY-SA 3.0, <https://commons.wikimedia.org/w/index.php?curid=15585702>

NÉT ĐẶC SẮC CỦA NƯỚC VIỆT (YUÈ)

Nước Việt (Yuè) trở thành tiêu điểm ngăn ngừi của truyền thuyết lịch sử Trung Hoa vào cuối thời Xuân Thu dưới sự trị vì của vị vua huyền thoại Câu Tiễn (Gōu Jiàn), kẻ có cuộc đấu tranh cá nhân lâu dài với nước Ngô (Wu) đối địch đã trở thành biểu tượng của sự tinh thần nhục tình quái và sự quyết tâm giúp một người có thể phục hồi sau thất bại nặng nề. Vị vua của nước Việt này, như các trẻ học sinh Trung Hoa không ngừng nhắc nhở, “*nằm gai nếm mật*”—*wò xīn cháng dǎn* 臥薪嘗膽 [*ngọa tân thường đàm*, phiên âm của Ngô Bắc] — để đừng quên lãng dù chỉ trong một khoảnh khắc nổi nhục nhã của sự giam cầm và nô lệ của mình tại nước Ngô (Wú). Ngoài câu chuyện tuyệt vời này — chính sự sôi động và ấn tượng sâu sắc của nó buộc chúng ta phải nghi ngờ về tính xác thực nghiêm ngặt — lịch sử của nước Việt nằm rải rác và chìm đắm,

đang chờ một nhà khai quật cố gắng lắp ráp lại. Tên gọi của hơn nửa tá vị vua của nước Việt đã đến với chúng tôi trong các danh sách vua chúa khác nhau, nhưng theo truyền thuyết lịch sử liên quan, chỉ có một vị vua duy nhất của nước Việt: con người nếm mật, nuôi chí báo thù, quyết tâm một cách cuồng tín tên là Câu Tiễn (Gōu Jiàn). Các nhà cai trị của nước Ngô lân bang, đều trong cùng miền văn hóa và ngôn ngữ Việt, đã may mắn hơn với hậu thế; khá nhiều trong số họ được tôn vinh vì những đặc điểm, hành động hoặc thành tích cụ thể.¹

Ngoại trừ một số ít chuyên gia, hầu hết mọi người của thời truyền thống và hiện đại đều nhìn vấn đề của nước Ngô và nước Việt là một câu chuyện về cơ bản giống như câu chuyện của Trung Hoa, chẳng hạn như câu chuyện về sự nghiệp của Qí Huán-gōng [Tề Hoàn Công] hay câu chuyện về những cuộc phiêu lưu của kẻ lưu vong Chóng'ěr Jin [Trùng Nhĩ nước Tấn]. Câu chuyện không chỉ là một truyền thuyết của Trung Quốc, sức mạnh nghệ thuật của nó — nhiều điểm đối xứng của hoàn cảnh, khả năng hùng biện thường xuyên của các nhân vật, sự hấp dẫn của chủ đề báo thù nằm ở cốt lõi của nó — biến nó trở thành tinh túy trong truyền thuyết Trung Hoa. Đúng vậy, các nhân vật chính hành xử theo những cách, theo quan điểm của ngữ văn Hán tộc (Sinitic), gồm cả cực đoan và kỳ lạ, nhưng như vậy, ở mức độ thấp hơn, không khác các nhân vật rõ ràng là Trung Hoa trong các truyền thuyết xưa hơn, mang màu sắc phương bắc và phương tây nhiều hơn; và ngoài ra, không phải các vị vua của nước Ngô xuất thân từ nhà Chu (Zhōu), và nhà cai trị của nước Việt xuất thân từ nhà Hạ (Xià) hay sao?

Nhưng ngay cả cái nhìn lướt qua nhất về vật thể huyền thoại, một cái nhìn không xem xét đến nét đặc biệt đã được chứng thực về mặt khảo cổ học của các nền văn hóa vật thể của nước Việt và nước Ngô, tức thời mang lại bằng chứng về bản chất phi-Hán (non-sinitic) của các dân tộc ở hai quốc gia đó. Những người cai trị nước Việt và nước Ngô *không có thụy danh* [hay thụy hiệu: *temple names*] nào được ban tặng cho họ sau khi họ qua đời. Có bất kỳ quốc gia Hán hóa (sinitic) được chứng thực nào trong thời kỳ trước nhà Tần (Qín) có thể nói điều tương tự như thế không? Câu trả lời, trừ khi tôi nhầm lẫn rất nhiều, là một sự khẳng quyết “không”. Các tên gọi được áp dụng cho những người cai trị nước Việt và nước Ngô sau khi họ chết hoàn toàn không khác với những cái tên được áp dụng cho họ trong suốt cuộc đời của họ. Hơn nữa, những tên gọi này không có ý nghĩa trong tiếng Trung Hoa, và do đó là phiên âm của các từ trong ngôn ngữ Việt cổ. Một số âm tiết (syllables) nào đó, chẳng hạn như *gou*, *wu*, *fu*, *zhu*, *yu* và những âm tiết khác có xu hướng lặp lại trong những tên gọi này, phản ánh cách đặt tên bản địa quy ước mà bây giờ chỉ có thể được ước đoán. Hơn nữa, không có một chút gợi ý nào trong các tài liệu còn sót lại về sự hiện hữu trong nền văn hóa Việt bất kỳ điều gì giống như một [danh xưng chỉ] họ (surname). Không có tên gia tộc (clan names) và không có tên dòng họ kế thừa. Điều này chắc không khiến chúng ta ngạc nhiên; phải mất hàng thiên niên kỷ để các thực thể quy mô lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam tiếp thu cách thức đặt danh xưng về họ. Mà cho đến giữa thế kỷ XIX, hầu hết thường dân ở Nhật Bản và Hàn Quốc không có họ. Khó khăn hơn để xác định khi nào họ được sử dụng phổ biến ở Việt Nam, nhưng tính phi-bản địa của cách thức có thể trông thấy trong thực tế, ngoại trừ một số họ được chỉ định cho họ-tộc dân Chăm, họ Việt Nam đều là

những từ có chữ Hán; điều này cho thấy rằng họ đã khởi sinh ở Việt Nam với tư cách là các món hàng nhập khẩu của Trung Quốc.

Các địa danh cũng như danh xưng dân tộc đều được gọi tên một cách phi-Hán ngữ (non-sinitically) ; Wú [Ngô] và Việt [Yuè] ban đầu đều có một định danh (designation) gồm hai âm tiết; Wú là "Gōu Wú" và Yuè là "Yú Yuè." Những định danh này không chỉ là địa danh; chúng có nghĩa là một cái gì đó trong ngôn ngữ Việt (Yuè), như được làm rõ bởi một số đoạn văn nhất định (sẽ được thảo luận bên dưới) trong *Yuèjuéshū* 越絕書 [*Việt Tuyệt Thư*] và *Wú Yuè Chūnqiū* 吳越春秋 [*Ngô Việt Xuân Thu*], cả hai đều là văn bản được biên soạn cùng một thời điểm, vào thế kỷ thứ nhất theo Công Nguyên (CN), khi ngôn ngữ Việt (Yue) vẫn còn phát triển mạnh ở khu vực Núi Cối Kê (Mount Guìjī) [thuộc tỉnh Chiết Giang, chủ của Ngô Bắc].² Các nhà biên niên sử Trung Hoa đã nhanh chóng loại bỏ âm tiết đầu tiên trong mỗi tên gọi, vì các từ không có ý nghĩa đối với họ, và vì quy ước của Trung Hoa là sử dụng các âm tiết đơn độc làm định danh của các nước.³ Sự kiện rằng tên của những nhà cai trị nước Việt và nước Ngô đôi khi là nguồn gốc của sự nhầm lẫn đối với người Trung Hoa có thể được nhìn thấy trong các khác biệt khác nhau xảy ra trong tài liệu văn bản. Vì thế, *Xuân Thu: Chūnqiū*, biên niên sử của triều đình nước Lỗ (Lǔ), có ghi chú về cái chết vào năm 561 Trước Công Nguyên (TCN) của vua Shòu Mèng [壽夢: *Thọ Mông*] nước Ngô, nhưng lại ghi tên ông là "Shèng" [乘; *thặng, thừa*] ("cỗ xe") chứ không phải là "Shòu Mèng: [*Thọ Mông*]." ⁴ Đây rất có thể là dấu hiệu cho thấy "Shèng [*Thặng, Thừa*]" là một cái tên dùng để tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ của nước Ngô với các nước trung tâm. Cũng có thể đó là một bản dịch nghĩa trong tiếng Việt của các âm tiết "Shòu Mèng [*Thọ Mông*]." Sau đó, một lần nữa, nó có thể là một cách thu gọn của [hai âm tiết] "Shou Mèng." Phiên bản nước Lỗ thế kỷ thứ 6 của các âm tiết "Shòu Mèng," khi được phát âm một cách vội vàng, có lẽ nghe giống như phiên bản nước Lỗ vào thế kỷ thứ 6 của âm tiết "Shèng.". Trong các ghi chú của mình về danh sách vua nước Việt xuất hiện trong *Shǐjì* 41 [*Sử Ký, chương 41*], nhà bình luận phần "Suǒyǐn; [*sách dẫn*]" đề cập đến một số trường hợp chỉ danh bằng tiếng Trung Quốc cho các vị vua nước Việt là bản dịch ý nghĩa của các tên nguyên thủy trong tiếng Việt; Gōu Jiàn [Cầu Tiễn], chẳng hạn, có thể trong tiếng Trung Hoa được gọi là "Tần Zhì" 莢執 [*Thám Chấp*], "Người cầm, giữ cây sậy".

Vậy thì, những người Việt khác với những người Trung Hoa ban sơ như thế nào? Đặt cùng nhau tất cả những gì được nói về họ trong các văn bản thời Chiến Quốc (Warring States) và nhà Hán, và kết hợp điều này với khảo cổ học, chúng ta có thể thấy rằng họ khác với những người hàng xóm Hán tộc (sinitic) về ngôn ngữ, âm nhạc, văn hóa dân gian, tôn giáo, chế độ ăn uống, bố cục làng, cách đóng thuyền, vũ khí, sở thích địa hình (đỉnh núi), kiến trúc nhà ở (nhà sàn), mái tóc (ngắn), trang sức cá nhân (xăm mình), hành vi tang lễ (nói thêm "sau khi chết, không nói đến những ngôi mộ nhìn lạ thường), quần áo (chân trần, áo tay ngắn, ống quần ngắn), văn tự (chữ viết ngoằn ngoèo), rèn luyện quân sự (trồng trọt bằng đồng báo hiệu kín đáo, đột kích ven sông, các chiến thuật du kích), và tính khí (sôi nổi, táo bạo, chấp nhận rủi ro).⁵ Ngôn

ngữ của họ rất khác nhau từ những dân tộc xung quanh mà ngay cả những dân nước Sở (Chữ [楚]) cũng không thể hiểu được

Tình hình ngôn ngữ ảnh hưởng như thế nào đến quan hệ giữa các vị vua nước Việt / nước Ngô và những người tị nạn khác nhau từ nước Sở (Chữ [楚]) từng là chiến lược gia của họ ra sao? Fūchāi [Phù Sai] có phải đè nén sự tức giận trước những nỗ lực vụng về của Wǔ Zǐ Xū [Ngũ Tử Tư] để thể hiện bản thân bằng tiếng Việt? Ông ấy, hay bất kỳ những nhà cai trị Ngô-Việt nào khác có nhận bất kỳ mệnh lệnh nào của nước Sở (Chữ [楚]) không? Hay những vị vua này và những cố vấn người nước ngoài của họ có sử dụng một số hình thức của tiếng Trung Hoa như một ngôn ngữ chung hay không? Loại chữ Trung Hoa nào được thông hiểu một cách đầy đủ đối với Câu Tiễn (Gōu Jiàn) giống như loại tiếng Hán của Fàn Lǐ [Phạm Lãi] (vốn là một thường dân nước Sở), theo một nguồn tài liệu) bởi điều thuận lợi này có được sử dụng gì không? Bất kể tình huống ngôn ngữ chiếm ưu thế trong các triều đình nước Ngô và nước Việt, không chắc không có trở ngại nào như vậy như người ta có thể giả sử khi đọc các câu chuyện của các nước đó trong *Zuǒzhuàn* [左傳: *Tả truyện*]. Công việc chính của *Tả truyện* (*Zuǒzhuàn*), sau hết, là kể chuyện.

CÁC DI VẬT

Về mặt khảo cổ học, nước Việt (Yuè) nằm ở trung tâm của một nền văn hóa gò mộ chôn cất cổ đại với nhiều di chỉ rộng lớn ở đông nam Trung Hoa. Các gò đất được tạo ra trong một khoảng thời gian kéo dài từ khoảng năm 2000 đến khoảng năm 300 TCN [Trước Công Nguyên]. Vì vậy, chúng ta có thể thấy rằng nền văn hóa bắt đầu hơn một thiên niên kỷ trước thời kỳ chiến tranh giữa các quốc gia Việt và Ngô. Hơn nữa, các gò đất còn trải rộng trên một khu vực rộng hơn nhiều phần đất được chiếm đóng riêng bởi hai nước đó. Những gò đất này lần đầu tiên xuất hiện xung quanh khu vực núi Thiên Thai (Tiantai Shan) thuộc tỉnh Chiết Giang, sau đó lan dần lên phía bắc. Hơn 20.000 gò đất như thế cho đến nay đã được xác định ở đông nam Trung Hoa, và hơn một nghìn gò mộ giờ đây đã được khai quật.⁶

Bên dưới mỗi gò đất là một phòng chôn cất bằng đá, từng ngôi mộ nguyên thủy được bảo vệ bởi một khung rào bằng gỗ dốc nghiêng với đỉnh ở trên cùng. Hầu hết các khung rào bằng gỗ này đã mục nát, nhưng các lỗ hổng nơi các trụ xiên được cắm vẫn còn thấy rõ. Những hàng rào gỗ được làm với các trụ nghiêng dốc này là nét đặc thù của các khu chôn cất kiểu người Việt (Yuèstyle); chúng không được tìm thấy ở đồng bằng trung nguyên hoặc các nơi khác ở Trung Hoa. Các phòng chôn cất bằng đá có ba loại: hình chữ nhật hoàn hảo, hình chữ nhật với một lỗ lối vào nhỏ hẹp ở một đầu, và "hình con dao"; tức là hình chữ nhật với các lối vào lệch tâm nhỏ hẹp, một bức tường liên tục thay vì thụt vào phía trong.

Nhiều gò đất chỉ có một ngôi mộ chôn cất duy nhất và nhiều gò đất có nhiều ngôi mộ chôn cất, một số có nhiều đến bốn mươi hoặc hơn một chút. Tất cả các khu chôn cất đều có các đồ vật chôn theo người chết, bao gồm cả bình gốm và bình sứ nguyên mẫu, thường có các họa tiết hình học; nhưng chỉ một số ngôi mộ chứa các bình bằng đồng. Các địa điểm có bình bằng đồng được cho là lăng mộ của giới thượng lưu: những nhà cai trị, các quan chức triều đình, và gia đình của họ. Các gò có nhiều mộ táng đều có một ngôi mộ chính được đặt ở trung tâm; các vị trí mai táng khác đều hướng về trục trung tâm này. Lớp đất màu nâu đỏ nơi các ngôi mộ được xây dựng có tính axit và ăn mòn các bộ xương, do đó không còn được tìm thấy trong các gò đất; thỉnh thoảng vẫn còn sót lại một vài chiếc răng.

Một số kỹ thuật và chủ đề thiết kế mang nét đặc thù của khu vực đông nam; một địa điểm, ví dụ, có một cây trượng bằng ngọc được sử dụng bởi một vị vua, đáy của nó bao gồm một hình tượng quỳ gối chạm khắc chống đỡ mọi thứ được chạm khắc trên nó. Cơ thể của nhân vật quỳ gối hoàn toàn được bao phủ bởi các hình xăm.

Một số gò ẩn tượng nhất có nhiều phòng chôn cất được khoét cắt vào vách trần đá của các ngọn núi. Một gò đất như vậy gần đây đã được phát hiện trên đỉnh Zhōu Shānn [Châu Sơn] ở khu vực Taihu [Thái Hồ]. Gò cao 8,3 mét từ trên xuống dưới, dài 20 mét và rộng 8 mét. Nó bị cướp phá vào khoảng thế kỷ thứ 5 theo Công Nguyên (CN). Bảo tàng Tô Châu (Sūzhōu) tuyên bố rằng một vị vua nước Ngô đã được chôn cất ở đó, nhưng một số nhà khảo cổ học tin rằng nó không đủ lớn để trở thành một lăng mộ hoàng gia.

Gò chôn của nước Việt ẩn tượng nhất chưa được phát hiện được đục cắt vào núi đá trên Ấn Sơn (Yìn Shān [chỉ có phiên âm, không có mặt chữ Hán, chú của Ngô Bắc]), đông nam của Thiệu Hưng (Shàoxīng), và hướng chính đông của núi Cối Kê (Guījī). Địa điểm này được khai quật vào các năm 1996 - 98. Nó được bao quanh bởi một đường hào hình chữ “L” rộng hơn 20 mét và sâu 3 mét. Một người nông dân đã sử dụng nó như một nơi để thả và nuôi cá.

Khu mộ chiếm khoảng một nghìn mét vuông; nó kéo dài 350 mét trong một hướng đông tây và 350 mét theo hướng bắc nam. Nó cao 28 mét. Hồ mộ đặt ở trung tâm, được đục cắt từ đá núi, có dạng thấu kính lồi (convex). Nó là 54 dài mét và rộng 14 mét.

Các biện pháp sát trùng đặc biệt đã được sử dụng để bảo vệ tử thi khỏi bị phân hủy; hầm mộ được bao bọc bởi một lớp đất sét trắng dày, một lớp than dày một mét, và một lớp vỏ cây. Giống như các ngôi mộ chôn cất khác, nó có các trụ gỗ gác nghiêng vào phía trong ở cả hai bên, tạo nên một cấu trúc cao 5 mét với đỉnh ngọn dài. Những trụ gỗ này, khác thường nhất, đã tồn tại; cấu trúc về cơ bản còn nguyên vẹn. Không gian bên trong được chia thành ba phòng với quan tài được đặt ở một đầu phòng chính giữa. Toàn cảnh trông kỳ lạ. y như đối với một khu

chôn cất bằng gỗ trên mặt đất thời đồ đá mới (neolithic) được phát hiện trước đây ở Tây Bá Lợi Á (Siberia).

Quan tài được phủ một lớp sơn mài màu đen. Mặc dù địa điểm đã bị cướp bóc vào cuối thời Chiến Quốc, hơn 40 đồ vật được tìm thấy trong lăng mộ, bao gồm cả một chày bằng gỗ, một chuông bằng đồng, một đầu mũi tên bằng ngọc, một đầu rồng bằng ngọc, và nhiều dụng cụ của những kẻ trộm mộ thời Chiến Quốc. Ngoại trừ một ngôi mộ gần Bảo Kê (Bǎoji), tỉnh Thiểm Tây (Shǎnxī), được xác định ướm thử là của Tần Cảnh Công (Qín Jǐnggōng) thời Xuân Thu, chứ không có lăng mộ nào ở Trung Hoa thời tiền Tần tương ứng với quy mô này.

Các nhà khảo cổ học, dựa trên ý kiến của họ về một số đoạn văn nhất định trong *Yuèjuéshū [Việt Tuyệt Thư]*, có khuynh hướng tin rằng địa điểm này là lăng mộ của Doãn Thường (Yǔncháng), cha của Câu Tiễn (Gōu Jiàn). Thời trị vì của Doãn Thường (Yǔncháng) có lẽ kết thúc vào năm 497, năm Câu Tiễn (Gōu Jiàn) lên ngôi. Một đoạn văn trong *Ngô Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)* nói rằng triều đại của Doãn Thường (Yǔncháng) cùng thời với triều đại của Thọ Mông (Shòu Mèng), Chư Phan [?] (Zhū Fān), và Hạp Lư (Hélú) tại nước Ngô. Năm mất của Thọ Mông (Shòu Mèng), người sớm nhất trong số những vị vua Ngô này, như đã nói ở trên, là 561; chính vì thế, việc đọc ghi chú này theo sát nghĩa đen sẽ cho Doãn Thường (Yǔn Cháng) trị vì ít nhất 64 năm, điều này khó xảy ra; đồng thời, không có lý do gì để giảm trừ khả năng ông ta cai trị nước Việt trong một thời gian dài bất thường, có lẽ vài thập kỷ; nếu vậy, ông ta sẽ có nhiều cơ hội để xây dựng một ngôi mộ đồ sộ.

Một giai thoại trong *Ngô Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)* chương 10 có lẽ là một phản ánh huyền thoại mờ nhạt về sự vĩ đại của ngôi mộ này và sức mạnh siêu nhiên nối kết với nó. Sau tiêu diệt nước Ngô và giành thêm chiến thắng ở phía bắc, Câu Tiễn (Gōu Jiàn) chuẩn bị chuyển kinh đô của nước Việt đến Lang Gia (Láng Yé), sát biên giới nước Lỗ và nước Tề:

Vua của nước Việt đã cho người đến nơi chôn cất của Doãn Thường (Yuáncháng [Yǔncháng]) trên núi Mộc Khách Sơn (Mùkè Shān 木客山), để di chuyển lăng mộ về Lang Gia (Láng Yé). Ba lần họ khoét một lỗ để tiến vào lăng mộ của Doãn Thường {Yuáncháng}. Mỗi lần như thế, một luồng gió lốc thổi mạnh ra từ trong lăng mộ khiến mọi người bị văng trúng bởi cát và đá bay, do đó không ai có thể vào được. Câu Tiễn (Gōu Jiàn) nói, "Điều đó có nghĩa là tiên vương của chúng ta không thể được chuyển di?" Sau đó ông ta từ bỏ việc này và rời đi.⁷

Niên Biểu, Danh Sách Các Vị Vua và Những Gì Còn Sót Lại

Quan niệm rằng những nhà cai trị nước Việt là hậu duệ của một con trai của người phục hồi nhà Hạ (Xià), Thiệu Khang (Shào Kāng 少康) xuất hiện sớm nhất trong *Tả Truyện* (*Zuǒzhuàn*), theo đó chúng ta thấy Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) cảnh báo vua Phù Sai (Fūchāi) nước Ngô rằng đối thủ của ông ta là Câu Tiễn (Gōu Jiàn) được tôi luyện cùng bởi sự nghiêm khắc giống như tổ tiên xa xôi đó, kẻ đã phục hồi triều đại của mình sau sự diệt vong.⁸

Phiên bản ban sơ chi tiết nhất của huyền thoại nguồn gốc này xuất hiện trong ghi chú *chính ý* (*zhèng yì*: 正意) trên một đoạn văn trong *Sử Ký: Shǐjì chương 41*. Trích dẫn từ một văn bản đã mất có tựa đề *Cối Kê Ký* (*Guījī Jì*) hay "Ghi chép về Cối Kê", ghi chú nói rằng Thiệu Khang (Shào Kāng) đã gửi một trong những người con trai của mình đến vùng núi Cối Kê (Guījī 會稽山) để bảo trì phần mộ của người sáng lập nhà Hạ, hoàng đế Đại Vũ. Khi đến đích của mình, người con trai lấy tên là Vô Dư (Wú Yú 無余) và thành lập ra nước Ô (hay U) Việt: Yú Yuè 於越.

Một đoạn trong chương 6 *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū 6*) cung cấp phần tiếp theo của truyền thuyết này, nói rằng hậu duệ của Vô Dư (Wú Yú) cai trị hơn mười thế hệ cho đến khi có người kế vị đặc biệt yếu kém không còn khả năng chèo lái khu vực này nữa và trở thành thường dân, sau đó ngôi mộ của hoàng đế Đại Vũ không còn được chăm sóc trong hơn mười năm.

Sau đó, một người đã xuất hiện, theo lời kể chuyện, đã cầu cứu sự trợ giúp của các hồn ma và các thần linh, thông báo rằng ông ta là hậu duệ của Vô Dư (Wú Yú) và sẽ mang lại phúc lành cho mọi người bằng cách tiếp tục chăm sóc phần mộ của hoàng đế Đại Vũ. Ông ấy đã nhận được sự ủng hộ đáng kể, và nước Việt như là một hệ quả bắt đầu đảm nhận tư cách của "một nhà nước với một người cai trị và các quan chức." Tên của nhân vật này là Vô Nhậm (Wú Rén 無任). Ông được kế vị bởi một người con trai, Vô Dịch (?) Wú Yì 無□ (bộ 109 cộng với phiên âm của từ “dịch 驛), một nhà cai trị siêng năng. Tuy nhiên, tác giả của đoạn văn này lại không thể nêu tên bất kỳ người kế thừa nào của Vô Dịch (Wú Yì); và do đó, truyền thuyết nguồn gốc thần thoại của nước Việt (Yuè) kết thúc nơi đây.⁹

Trong khi các di tích khảo cổ học cho thấy rõ ràng rằng văn hóa Việt là một nét đặc trưng lâu đời của cảnh quan nhân sự ở đông nam Trung Hoa trong thiên niên kỷ thứ hai trước Công Nguyên, vẫn chưa có thể nói bất cứ điều gì chắc chắn về sự tồn tại của một nhà nước Việt (Yuè) trong thời đại này. Một số chữ khắc trên xương lời sấm truyền thời nhà Thương (Shāng) chứa các tham chiếu rõ ràng đến nước Việt (Yuè), chẳng hạn như "Nước Việt sẽ không đến sao?" "Liệu nước Việt có được mời đến không?" "Liệu Việt (Yuè) sẽ có được tiếp nhân không?" gợi ý sự bất an về lòng trung thành của nhóm bộ lạc hoặc vương quốc được biểu thị bằng từ này. Các ký tự

đường như đại diện cho từ Việt (Yuè) được khắc (chạm) mà không có bộ "zǒu [tẩu: 走]" xuất hiện trong từ hiện đại. Biểu đồ của bộ chữ này mang về một bức tranh về một nước Việt như cái rìu (Yuè: axe) đặc biệt, được móc treo lên (hooked).¹⁰

Một số tham chiếu nhất định trong *Guóyǔ*: [*Quốc Ngữ*] và những văn bản khác chỉ ra rằng một nhánh không rõ lý lịch của nước Sở (Chǔ) [楚] chiếm cứ nước Việt (Yuè) (bắc Chiết Giang: Zhèjiāng) khoảng hai thế kỷ sau sự thành lập của nhà Chu (Zhōu)¹¹; do đó, những người cai trị nước Việt xuất hiện vào cuối thời Xuân Thu nhiều phần có mối quan hệ tổ tiên với nước Sở (Chǔ), một khả tính hài hòa tốt với sự hợp tác quân sự thường xuyên của nước Việt với nước Sở (Chǔ) trong thời kỳ đó. Huyền thoại về hậu duệ của Thiệu Khang (Shào Kāng) là Vô Dư (Wú Yú) rất có thể là một phát kiến sau này phục vụ để làm êm dịu các mối quan hệ của nước Việt với những lân bang Hán tộc (sinitic) của nó. Nó cũng có thể đã đóng một vai trò trong tín ngưỡng công dân (civic religion) của nước Việt. Một số tên của những nhà cai trị nước Việt giữa thời Chiến Quốc (Wú Yú Zhī, Wú Zhuān, Wú Qiáng) dường như được mô phỏng theo tên Wú Yú [Vô Dư], cho thấy có lẽ huyền thoại có thể tác động mạnh mẽ hơn vào cuối thời kỳ này so với các thời gian trước đó.¹² Trong thực tế, có lẽ sẽ không quá sai lạc khi quy kết sự phát kiến ra Vô Dư (Wú Yú), con trai của Thiệu Khang (Shào Kāng), vào giữa thời Chiến Quốc, một thời khoảng sung mãn khi nói đến việc tạo lập ra các thần thoại về nguồn gốc dân tộc.

Nước Việt được đề cập đến bằng tên gọi trong các tiết mục của *Tà Truyện* (*Zuǒzhuàn*) ghi niên đại năm 601 (Xuān-gōng [tức [Lỗ] Tuyên Công] 8, năm 544 (Xiāng-gōng [tức [Tống] Tương Công] 29), năm 538 Zhāo-gōng ([Tề] Chiêu Tông] 4 [), năm 537 Zhāo-gōng [tức [Tề] Chiêu Công] 5), năm 518 (Zhāo-gōng [Tề] Chiêu Tông] 24), và năm 506 (Dīng-gōng [Tề Định Công] 4). Ngoài ra, *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū*) đề cập đến cuộc xâm nhập năm 510 của nước Ngô vào nước Việt.¹³ Cái tiết mục của *Tà Truyện* (*Zuǒzhuàn*) đề cập đến tên một số viên chức nước Việt. Người ta có thể nhìn thấy từ những các tiết mục ngắn gọn này rằng, vào giữa đến cuối thế kỷ 6 trước Công Nguyên, nước Việt đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của nước Sở (Chǔ), và thường được giao trách nhiệm cung cấp sự hỗ trợ trong các chiến dịch chống lại nước Ngô.

Thời đại của các vị vua nước Việt được nêu tên bắt đầu vào cuối thời Xuân Thu và kéo dài từ giữa đến cuối thời Chiến Quốc. Kiến thức Trung Hoa về trình tự thực tế của các vị vua, dường như đã bối rối đến cùng cực. Có vẻ như rất có thể, trong số các yếu tố góp phần vào sự nhầm lẫn này là khoảng cách ngôn ngữ Việt - Trung Hoa, dẫn đến sự lan tràn các định danh Việt và Trung Hoa khác nhau cho cùng các nhân vật, sự thờ ơ với tính chính xác của những người Việt cung cấp thông tin và những người Trung Hoa tra hỏi, và tổ chức tương đối hỗn loạn, và đôi khi là vô số các nước hoặc các thực thể khác được gọi là "Việt: Yuè." Những gì chúng ta có ngày

hôm nay là ba danh sách các vị vua nước Việt không thể dung hòa, một trong *Sử Ký* 41: *Shǐjì* 41, một trong *Việt Tuyệt Thư* 10: *Yuèjuéshū* 10, và một dựa trên văn bản mà tính xác thực vốn là một chủ đề của cuộc tranh luận sâu rộng: *Bamboo Annals* [竹書紀年: *Trúc Thư Kỷ Niên*] chưa được tái thiết. Trong ba nguồn tài liệu, chỉ có nguồn cuối cùng cung cấp nhiều hơn thông tin rời rạc liên quan đến các niên đại. Các danh sách của *Sử Ký* (*Shǐjì*) và *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*) thì đơn giản, gọn gàng và cung cấp ít thông tin về tình huống. Danh sách của *Trúc Thư Biên Niên* rất lộn xộn, phức tạp và cung cấp khá nhiều thông tin tình tiết. Tác giả bình luận phần “*Sách Dẫn*”, *Sử Ký* 41 (*Shǐjì* 41 “*Suǒ yǐn*”) bổ sung thêm chi tiết trong quá trình nỗ lực hòa hợp danh sách của *Trúc Thư Biên Niên* với danh sách của *Sử Ký*.

Vị vua Việt được nhắc đến sớm nhất trong *Shǐjì* 41 (*Sử Ký* 41) là Doãn Thường (Yǔncháng), người xuất hiện gần đầu chương là tiên nhân hoàng gia của Câu Tiễn (Gōu Jiàn). Mặc dù *Shǐjì* 41 (*Sử Ký* 41) không đề cập đến sự kiện, nó phải xảy ra dưới thời trị vì của Doãn Thường (Yǔncháng) khi, vào năm 0506, nước Việt xâm lăng nước Ngô, lợi dụng 1) sự vắng mặt của quân Ngô, vốn đang bận rộn bao vây kinh đô của nước Sở (Chǔ) và 2) sự chia rẽ phe phái trong triều đình nước Ngô. Nhà cai trị này được cho là vị cai trị nước Việt đầu tiên nhận danh hiệu “vương: wáng.”¹⁴

Hầu hết những gì tiếp theo trong *Shǐjì* 41 (*Sử Ký* 41) liên quan đến những truyền thuyết nổi tiếng gắn liền với sự trị vì của Câu Tiễn. Sau đó, gần phần kết thúc của chương sách, chúng ta được cho biết:

Khi Câu Tiễn qua đời, con trai ông là Vương Thạch Dữ (Wáng Shí Yǔ) lên ngôi. Khi nào Vương Thạch Dữ (Wáng Shí Yǔ) chết, con trai ông là Vương Bất Thọ (Wáng Búshòu) lên ngôi. Khi Vương Bất Thọ (Wáng Búshòu) chết, con trai ông là Vương Ông (Wáng Wēng) lên ngôi. Khi Vương Ông (Wáng Wēng) chết, con là Vương Ế (?) (Wáng Yì) lên ngôi. Khi Vương Ế (Wáng Yì) chết, con trai ông là Vương Chi Hâu (Wáng Zhī Hóu) lên ngôi. Khi Vương Chi Hâu (Wáng Zhī Hóu) qua đời, con trai của ông là Vương Vô Cương (Wáng Wú Jiāng) lên ngôi.¹⁵

Sau đó, chúng ta được biết rằng Vương Vô Cương (Wáng Wú Jiāng) đã tấn công nước Tề (Qí), nhưng đã sớm bị dụ dỗ bởi một sứ giả khôn lanh của nước Tề để tấn công nước Sở (Chǔ) thay vào đó. Nơi mà Sở Uy Vương (Chǔ Wēi-wáng, trị vì 339 - 329 [TCN]) đẩy binh đánh bại nước Việt, giết chết Vương Vô Cương (Wáng Wú Jiāng), và thôn tính tất cả các lãnh thổ thuộc nước Ngô trước đây, đến tận sông Chiết (Zhè Jiāng: Chiết Giang). Sau sự kiện này, câu chuyện tiếp tục, nước Việt tan rã thành các nhóm khác nhau lãnh đạo bởi các vị vua và bởi các sứ quân (*jūn* [军]), tất cả đều tuyên thệ trung thành với nước Sở (Chǔ). Mức độ thực sự của trường hợp ra sao sẽ được thảo luận thêm bên dưới.

Danh sách các vị vua trong *Việt Tuyền Thư* (Yuèjuéshū) bắt đầu, không phải với Doãn Thương (Yǔncháng), mà với người tiền nhiệm trực tiếp của ông, được xác định là Phu Đàm (Fūtán):

Một khoảng thời gian lâu dài đã ngăn cách vua Phu Đàm nước Việt (Yuè Fūtán) với người sáng lập Vô Dur (Wú Yú); các thế hệ giữa họ không thể được ấn định. Con trai của Phu Đàm (Fūtán) là Doãn Thường (Yǔncháng) và con trai của Doãn Thường (Yǔncháng) là Câu Tiễn (Gōu Jiàn), một bá chủ vĩ đại, người tự xưng vương và dời đô về Lang Gia (Láng Yé). Con trai của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) là Dữ Di (Yǔ Yí); một bá chủ trong thời đại của mình. Con trai của Dữ Di (Yǔ Yí) là Tử Ông (Zǐ Wēng); ông ta là bá chủ trong thời đại của mình. Con trai của Tử Ông (Zǐ Wēng) là Bất Dương (Bù Yáng); ông ấy là bá chủ trong thời đại của mình. Con trai của Bất Dương (Bù Yáng) là Vô Cương (Wú Jiāng); ông là bá chủ trong thời đại của mình. Ông ta đã tấn công nước Sở (Chǔ). Uy Vương (Wēi-wáng) [của nước Sở (Chǔ)] đã tiêu diệt Vô Cương (Wú Jiāng). Con trai của Vô Cương (Wú Jiāng) là Chi Hâu (Zhī Hóu); ông ta tự thiết lập mình như một nhà lãnh đạo khu vực một cách kín đáo. Con trai của Chi Hâu (Zhī Hóu) là Tôn (Zūn); ông là một nhà lãnh đạo khu vực vào thời của mình. Con trai của Tôn (Zūn) là Thân (Qīn). Ông này đánh mất sự ủng hộ của quần chúng. Nước Sở (Chǔ) đã tấn công ông, và ông đã bỏ chạy đến núi phía Nam. Các nhà cai trị từ Thân (Qīn) đến Câu Tiễn (Gōu Jiàn), tám người tất cả, đã biến Lang Gia (Láng Yé) thành thủ đô của họ trong hai trăm hai mươi bốn năm. Những người từ Vô Cương (Wú Jiāng) trở về sau trị vì như bá chủ và tự xưng là vua. Những người từ Chi Hâu (Zhī Hóu) trở xuống suy yếu và tự xưng mình là "lãnh đạo khu vực" ([*quân trưởng*]: jūnzhang 君長).¹⁶

Hai tài liệu nhất trí khi mô tả một giai đoạn hùng mạnh kéo dài cho đến khi có sự hủy diệt Vô Cương (Wú Jiāng) bởi nước Sở, dẫn đến một thời kỳ tan rã và suy yếu. Tuy nhiên, nhiều chi tiết khác là không thể hòa giải. Ở dạng biểu đồ, hai danh sách có thể được thiết lập như sau:

	Phu Đàm (Fūtán 夫鐔)
Doãn Thương (Yǔncháng 允常)	Doãn Thường (Yǔncháng)
Câu Tiễn (Gōu Jiàn 句踐)	Câu Tiễn (Gōu Jiàn)
Vương Thạch Dữ (Wáng Shí Yǔ 王鼫與)	Dữ Di (Yǔ Yí 與夷)
Vương Bất Thọ (Wáng Búshòu 王不壽)	
Vương Ông (Wáng Wēng 王翁)	Tử Ông (Zǐ Wēng 子翁)
Vương Ế (Wáng Yì 王翳)	Bất Dương (Bù Yáng 不揚)
Vương Chi Hầu (Wáng Zhī Hóu 王之侯)	
Vương Vô Cương (Wáng Wú Jiāng 王無疆)	Vô Cương (Wú Jiāng)
	Chi Hầu (Zhī Hóu 之侯)
	Tôn (Zūn 尊)
	Thân (Qīn 親)

Một điều bất thường đặc biệt nổi bật ở trên là sự xuất hiện của cái tên Chi Hầu (Zhī Hóu) trước Vô Cương (Wú Jiāng) trong danh sách của *Sử Ký (Shǐjì)* và sau Vô Cương (Wú Jiāng) trong danh sách của *Việt Tuyền Thư (Yuèjuéshū)*. Điều này gợi ý khả tính hiện hữu đồng thời của nhiều hơn một chính thể nước Việt (Yuè) ngay cả trước khi có sự tan rã của nước Việt được đề cập trong quyển *Sử Ký (Shǐjì)*, cùng với xu hướng của các người tra hỏi sau này khi nhầm lẫn hoặc kết hợp các chính thể này. Tuyên bố trong *Việt Tuyền Thư (Yuèjuéshū)* rằng tất cả những người cai trị từ Câu Tiễn (Gōu Jiàn) đến Thân (Qīn) đóng đô tại địa điểm xa xôi phía bắc ở Lang Gia (Láng Yé) cũng là điều đáng kinh ngạc, vì rõ ràng nước Sở (Chǔ) đã chiếm hữu những gì đã từng là lãnh thổ của nước Ngô (Wú) sau sự bại trận của Vô Cương (Wú Jiāng). Nếu đúng như vậy, thì chúng ta phải tưởng tượng một nước Việt nhỏ bé phương bắc cùng tồn tại vào cuối thời Chiến Quốc với nhiều thực thể "Việt" nhỏ ở phương nam kéo dài từ Chiết Giang (Zhèjiāng) xuống phía nam.

Các tham chiếu về nước Việt (Yuè) trong *Trúc Thư Biên Niên* bắt đầu bằng năm 472, năm mà Câu Tiễn (Gōu Jiàn) chinh phục và tiêu diệt nước Ngô (Wú).¹⁷ Kể từ năm đó, các tiết mục liên quan đến nước Việt (Yuè), được đề cập luôn luôn ở dạng hai âm tiết như Yú Yuè [*Du Việt: 逾越*], xảy ra rất nhiều và tương đối nhiều thông tin, nhưng những chi tiết được cung cấp xem ra đôi khi chỉ liên quan mong manh đến những điều được ghi lại trong *Sử Ký (Shǐjì)* và *Việt Tuyền*

Thư (Yuèjuéshū). Theo sau là lịch sử thế kỷ thứ 5 và thứ 4 của nước Việt (Yuè) theo nguồn tài liệu này, cùng với nhận xét của tôi [tác giả] trong dấu ngoặc đơn:

Năm 468, thủ phủ của Du Việt (Yú Yuè) được chuyển đến Lang Gia (Láng Yé: [瑯琊]). (Nơi này bây giờ ở phía tây tỉnh Sơn Đông (Shandong), gần các nước Lỗ (Lǔ) và nước Tề (Qí). Sự di chuyển này dường như chỉ ra rằng Câu Tiễn (Gōu Jiàn) kế thừa tham vọng của [Ngô] Phù Sai (Fūchāi) muốn được công nhận là quyền lực chủ yếu giữa các nước của miền bắc. *Việt Tuyệt Thư [thiên] 10 (Yuèjuéshū 10)* có một câu chuyện về một chuyến thăm được cho là của Lỗ Ai Công (Lǔ Āi-gōng) đến Lang Gia (Láng Yé) sau khi nó trở thành thủ đô của nước Việt.)

Năm 465 Câu Tiễn (Gōu Jiàn), tử tước Du Việt (Yú Yuè), được gọi là Thản Trục {Tần Zhí: [坦直]}, qua đời và được kế vị bởi con trai ông là Lục Ảnh (Lù Yǐng: [錄影]). (Điều được giả thử rằng Thản Trục (Tần Zhí) là phiên bản tiếng Việt cho tên của Câu Tiễn (Gōu Jiàn). Tôi nghĩ rằng điều ngược lại phù hợp hơn với trường hợp này, vì phần tử "Gōu: Câu" xuất hiện trong các tên gọi khác của những nhà cai trị nước Việt. "Gōu Jiàn" có nghĩa là không có gì dễ hiểu trong tiếng Hán. "Tần Zhí: Thản Trục" có nghĩa là "người giữ cây lau". Điều này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong phần tiếp theo. Đối với Lục Ảnh (Lù Yǐng), tác giả phân bình luận "sách dẫn: suǒ yǐn" trích dẫn một bậc Thầy về nhạc Việt (Master Yuè 樂子: [nhạc tử] nói rằng Shí Yǔ [Thạch Dữ], tên được đặt cho người kế vị của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) trong quyển *Sử Ký (Shǐjì)*, là tên trong tiếng Việt của Lục Ảnh (Lù Yǐng), nhưng dường như không có lý do tại sao điều ngược lại không thể xảy ra. *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)* áp dụng tên "Yǔ Yí: Dữ Di" chỉ nhà cai trị này.)

Năm 459, Lù Yǐng [Lục Ảnh] chết và được kế vị bởi Bất Thọ (Bú Shòu).

Năm 449, tử tước của Du Việt (Yú Yuè) là Bất Thọ (Bú Shòu) bị giết; ông ấy là nhân vật được gọi là Máng Gū 盲姑 : *Manh Cô*. Ông được kế vị bởi Zhū Gōu 諸句: [*Chư Câu*]. (Nơi đây, sự việc có vẻ rõ ràng, vì nó không thể hiểu được như một tên gọi trong tiếng Hán, Máng Gū [Manh Cô) là tên gọi trong tiếng Việt dành cho Bất Thọ (Bú Shòu). Mặt khác, Bú Shòu, "không có tuổi thọ", hoàn toàn có thể hiểu được như một tên gọi Trung Hoa dành cho một người cai trị đã bị ám sát vào năm thứ 10 của triều đại của mình. Chư Câu (Zhū Gōu) rõ ràng là nhà cai trị được gọi là Vương Ông (Wáng Wēng) trong danh sách của *Sử Ký (Shǐjì)*. Chư Câu (Zhū Gōu) dường như là tên trong tiếng Việt (Yuè), vì 1) nó không thể hiểu được trong tiếng Hán và 2) cả hai âm tiết đều lặp lại trong các tên khó hiểu khác của các nhà cai trị nước Việt và các địa danh của nước Việt)

Năm 416, Du Việt (Yú Yuè) diệt nước Đằng: Téng 滕.

Năm 415, Chư Câu (Zhū Gōu), tử tước nước Du Việt (Yú Yuè), tấn công nước Đàm : Tán 郚 và tước bỏ quyền thống trị của tử tước Cô (Gū 鳩). (Cả hai nước này đều gần với Lang Gia (Láng Yé). Theo đoạn văn trong quyển *Mặc Tử (Mòzǐ)*, nước Việt, cùng với nước Tề (Qí) đã

tham gia vào việc chia cắt nước nhỏ của nước Cử: 莒 vào khoảng thời gian này. Một đoạn trong *Chiến Quốc Sách* (*Zhànguó cè*: [战 国 策]) chỉ ra rằng nước Tăng (Zēng 增) gần đó là một nước khác bị chinh phục bởi nước Việt. Nước Việt, được đề cập trong *Mặc Tử* (*Mòzǐ*), cùng với các nước Tề (Qí), Tấn (Jìn) và Sở (Chǔ), là một trong số bốn quốc gia hiếu chiến nhất thời đại. Quyển *Mặc Tử* (*Mòzǐ*) cũng đề cập rằng nước Việt (Yuè) thường ở thế thượng phong trong các cuộc đụng độ với nước Sở (Chǔ), bởi vì các dòng suối chảy về phía đông ở phương nam đã gây khó khăn cho các sự lui quân của nước Sở nhưng lại dễ dàng cho nước Việt.).¹⁸

Năm 413, Chư Câu (Zhū Gōu), tử tước nước Việt qua đời và được con trai ông là Yī [Ế] kế vị (Đây là "Wáng Yī: Vương Ế" trong danh sách của *Sử Ký: Shǐjì*).

Năm 379, Du Việt (Yú Yuè) dời kinh đô về nước Ngô (Wú).

Năm 376, vào tháng bảy, Chư Tụ (Zhū Jù), thái tử của nước Du Việt (Yú Yuè), giết nhà cai trị của mình là Yī (Y hay Ế) . Vào tháng thứ mười, người dân Việt giết Chư Tụ (Zhū Jù), kẻ còn được gọi là Việt Cốt (Yuè Gǔ 越 滑). Người xứ Ngô [tức người dân Việt tại kinh đô hiện thời của nước Việt, trước đó là kinh đô của nước Ngô] sau đó đã tôn Phu Thác Chi: Fú Cuò Zhī 孚 錯 枝 lên ngôi.

Năm 375, Tụ Khu (Sì Qū 寺 區), một quan lớn của Du Việt (Yú Yuè), đã giải quyết các rối loạn trong nước đó và tôn lên ngôi Sơ Vô Dư (Chū Wú Yú 初 無 余); đây là Mãng An (Máng Ān 莽 安). (Nhà cai trị này là có lẽ trùng với Vương Chi Hầu (Wáng Zhī Hóu) được nêu ra trong danh sách của quyển *Sử Ký: Shǐjì*).

Năm 365, Tư (Sī 思), em trai của Tụ Khu (Sì Qū 寺 區), đã sát hại người cai trị của mình là Mãng An (Máng Ān). Ông ta được kế ngôi bởi Vô Chuyên (Wú Zhuān 無 顓). (Danh sách của *Sử Ký: Shǐjì* dường như kết hợp Vô Chuyên (Wú Zhuān) với người kế vị của ông là Vô Cương (Wú Jiāng), có lẽ do tên của họ giống nhau. Nhà bình luận “Sách Dẫn” : "Suǒ yǐn", một lần nữa trích dẫn “Thầy nhạc Việt: Master Yuè,” gợi ý rằng Vô Chuyên: Wú Zhuān này giống như một nhân vật tên Tử Sưu: Zǐ Sōu 子 搜 được đề cập trong quyển *Trang Tử: Zhuāngzǐ*: "Những người nước Việt đã thực hiện việc giết vua ba lần. Tử Sưu (Zǐ Sōu) hoảng sợ về điều này, chạy trốn vào Đan Huyệt: Dān Xué 丹 穴 (Cinnabar Cave), và từ chối đi ra khỏi hang. Những người nước Việt đã hun khói hoa để cứu (moxa) xua ông ra khỏi hang và chở ông về trong một cỗ xe hoàng gia.”)

Năm 357, Vô Chuyên (Wú Zhuān), tử tước của nước Du Việt (Yú Yuè), được gọi là Thảm Thực Mão (Tǎn Zhú Máo 莢 蠋 卯), qua đời và được kế thừa bởi Vô Cương (Wú Jiāng 無 疆).

Năm 336, Vô Cương (Wú Jiāng), tử tước nước Du Việt (Yú Yuè), tấn công nước Sở.

Năm 334, nước Sở (Chǔ) bao vây nước Tề (Qí) tại Từ Châu (Xúzhōu), sau đó tấn công Du Việt (Yú Yuè) và hạ sát Vô Cương (Wú Jiāng). (Tiết mục này kết thúc danh sách các vị vua được cung cấp trong *Trúc Thư Biên Niên* (*Bamboo Annals*). Nhìn chung, nó phù hợp nhiều hơn với danh sách được cung cấp trong *Sử Ký* (*Shǐjì*), so với danh sách được cung cấp trong *Việt Tuyền Thư* (*Yuèjuéshū*.)

Năm 312, vua nước Việt cử Công Sư Ngung (Gōng Shī Yǔ 公師隅) [đến nước Ngụy (Wèi)] để tặng 300 chiếc thuyền, và 5.000.000 mũi tên, cùng với sừng tê giác và ngà voi.

Tiết mục ngay bên trên là tiết mục cuối cùng trong *Trúc Thư Biên Niên* viết về nước Việt, tại đây chỉ được gọi bằng định danh đơn âm tiết của nó. Tên nhà vua Vua được cung cấp; nhưng người ta chỉ có thể suy ra từ dữ liệu được ghi lại ở đây rằng nước Việt, bất luận nó được chấm định vào thời điểm này chỉ nằm trong lãnh thổ cổ đại của nó xung quanh Núi Cối Kê (Mt. Guìjī) hay, trong các lĩnh vực khác, vẫn còn là một nhà nước hùng mạnh và thịnh vượng nếu nó có đủ khả năng để gửi một lượng hàng hóa khổng lồ đến nước Ngụy (Wèi). Một ghi chú trong Thủy Kinh (*Shuǐ Jīng*) trích dẫn tiết này trong *Trúc Thư Biên Niên* và giải thích thêm về nó một chút, nói rằng những món quà bao gồm một con tàu lớn tên, “Thủy Vồng” (“Shǐ Wáng” 始罔), và nhiều kiện hàng lụa, cùng với các quà tặng khác. Mục đích của sứ mệnh mang quà tặng này, theo ghi chú, là lập một liên minh với nước Ngụy (Wèi), để đối phó với mối đe dọa từ nước Sở (Chǔ).

Bởi vì *Sử Ký* (*Shǐjì*) nói rằng nước Việt (Yuè) "đã tan rã", sau cái chết của Vô Cương (Wú Jiāng) vào năm 333, và rằng tất cả những nước Việt nhỏ bé ra đời sau sự kiện này đều tuyên thệ trung thành với nước Sở (Chǔ), điều thường được các học giả Trung Hoa ban sơ cho rằng nước Việt (Yuè) không còn tồn tại như một thực thể hùng mạnh, độc lập, duy nhất sau ngày này. Tuy nhiên, có một lượng lớn bằng chứng ngược lại, chẳng hạn như sứ bộ cống nạp cho nước Ngụy (Wèi) đã thảo luận ở trên.

Nhiều đoạn văn khác nhau trong *Chiến Quốc Sách* (*Zhànguóshù* [*Zhànguó Chè*]) đề cập đến việc nước Việt (Yuè) gây ra mối đe dọa cho nước Sở (Chǔ) và thậm chí cho nước Tần (Qín), trong suốt thế kỷ thứ 3. Nếu đây là bằng chứng duy nhất về sức mạnh tiếp tục của nước Việt (Yuè), người ta có thể quy điều này chỉ đơn thuần là sự khoa trương của các nhà biên soạn *Chiến Quốc Sách* (*Zhànguóshù*) — thường một nhà tu từ học cần đặt một địa danh thứ nhì thành một cụm từ ám chỉ có hiệu lực, hầu làm cho tổng thể có vẻ rực rỡ — còn lựa chọn nào có thể tốt hơn nước Việt (Yuè)? Rốt cuộc ai sẽ có thể kiểm tra sự ám chỉ? Tuy nhiên, vào năm 1977, một chiếc bình bằng đồng có khắc chữ đã được khai quật ở huyện Bình Sơn, tỉnh Hà Bắc (Píngshān, Héběi), có chứa các sự tham chiếu tương tự đến 1) Khoái Vương {?} (Kuǎi) đánh mất nước Yên (Yān) (vào tay nước Tề (Qí); năm 0315) và "sự tồn tại tiếp tục của nước Việt (Yuè) cho đến ngày nay," điều được quy kết nhờ sự khôn ngoan của những nhà cai trị trước đây.¹⁹ Điều này cho thấy

rõ ràng rằng trong suy nghĩ của những người chế tác chiếc bình khoảng năm 300, nước Việt (Yuè) vẫn là một nước hoàn toàn vững vàng, không hề thua kém các đối thủ lớn khác trong đấu trường địa chính trị đương thời.

Việt Tuyền Thư [Thiên] 2 (Yuèjuéshū 2) kết thúc với một đoạn văn nói rằng nước Sở (Chǔ) "đã thôn tính nước Việt (Yuè) tại Lang Gia (Láng Yé)" dưới thời trị vì của Sở Khảo Liệt Vương (Chǔ Kǎoliè-wáng) (262-238).²⁰ Điều này cho thấy nước Việt (Yuè) tại một số thời điểm hàng trăm năm trước đã giành lại được trung tâm quyền lực xa xôi phía bắc tại Lang Gia (Láng Yé), hay đã không bao giờ mất quyền sở hữu nó, và có xu hướng hậu thuẫn tuyên bố trong *Việt Tuyền Thư 10 (Yuèjuéshū 10)* rằng tất cả những nhà cai trị nước Việt (Yuè) từ Câu Tiễn (Gōu Jiàn) đến Thân (Qīn) đã đóng đô của họ tại Lang Gia (Láng Yé). Đúng là *Trúc Thư Biên Niên (Bamboo Annals)* có nói rằng thủ đô nước Việt (Yuè) chuyển đến nước Ngô (Wú) vào năm 378, nhưng có lẽ một cuộc di chuyển trở lại Lang Gia (Láng Yé) đã xảy ra vào một thời điểm sau đó. Đoạn văn này, hơn nữa, xuất hiện chắc chắn để đề cập đến cùng một nước nhất thống vĩ đại đã tồn tại trước năm 333, và không phải là một bộ tộc nhỏ nhoi, tách rời của nước đó.

Theo *Sử Ký (Shǐjì)*, Xuân Thân Quân (Chūnshēn Jūn: [春申君] ("Chūnshēn Seigneur") của nước Sở (Chǔ) đã được ban cấp thái ấp tại kinh đô cũ của nước Ngô (Wú) năm 248. Cả *Vô Lệnh Huyện [?] (Wú Dì Jì)* và *Việt Tuyền Thư (Yuèjuéshū)* đều đề cập đến các công sự phòng thủ được Xuân Thân Quân (Chūnshēn Jūn) xây dựng ở phía nam vị trí này để đề phòng các cuộc tấn công của nước Việt (Yuè). *Việt Tuyền Thư (Yuèjuéshū)* cũng đề cập đến các công sự phòng thủ được xây dựng trong thời kỳ này bởi vị vua nước Việt (Yuè), *Tôn Khởi [?] (Sūn Kǎi)*, để đề phòng các cuộc tấn công của Xuân Thân Quân (Chūnshēn Jūn).²¹ Ở đây, một lần nữa, có vẻ như nước Việt (Yuè) vẫn còn là một thực thể đơn nhất, do vua lãnh đạo theo đuổi các chính sách độc lập, một thực thể đủ mạnh để trở thành một nguồn gốc của sự lo ngại đối với một nhà đại quý tộc của nước Sở (Chǔ).

Nhiều đoạn văn khác nhau trong *Chiến Quốc Sách (Zhànguó cè)*, *Hàn Phi Tử (Hánfēizǐ)* và *Hàn Thi Ngoại Truyện (Hán Shī Wai Zhuan)*, cho biết, nếu chúng ta tin ở chúng, rằng trong giai đoạn 235 - 225 nước Việt (Yuè) không chỉ vẫn còn hùng mạnh, mà còn tích cực theo đuổi các liên minh với các nước khác để chống lại nhà Tần (Qín).²² Chuỗi các cuộc chinh phục của nhà Tần (Qín), một dữ liệu tương đối đáng tin cậy, hài hòa hoàn hảo với bức tranh này.

Các đoạn trích sau đây cho thấy đường lối chuỗi chinh phục được đưa ra trong *Sử Ký 6 (Shǐjì 6)*: "... Trong năm trị vì thứ 17, (năm 230) Chính Vương nước Tần [King Zheng của Qín] sử quan triều đình tên Đằng (Téng) đã tấn công nước Hàn (Hàn) [韓], [nhờ đó Chính Vương (Zhèng) có được sự phục tùng của An (Ān [安], vua nước Hàn (Hán), và chiếm hết lãnh thổ, biến nó thành một chỉ huy sứ (commandery)... "" Vào năm thứ 19 (228), Vương Tiễn (Wáng

Giǎn) và Khương Quy [?] (Jiāng Guī) thiết lập quyền kiểm soát toàn bộ lãnh thổ Đông Dương của nước Triệu (Dōngyáng of Zhào) và bắt giam vua nước Triệu... ”“ Vào năm thứ 22 (225) Vương Bí [?] (Wáng Pēn) tấn công nước Ngụy (Wèi)...; vua [Ngụy: Wèi] xin hàng; ông chiếm toàn bộ lãnh thổ của nước Ngụy (Wèi)... ”“ Vào năm thứ 23 (224), ông triệu hồi Vương Tiễn (Wáng Jiǎn) và giao cho ông ta nhiệm vụ tấn công Kinh (Sở) ([tên gọi nước Sở thời nhà Tần, chú của Ngô Bắc]) {Jīng (Chǔ)). Ông ta chiếm lãnh thổ phía nam của nước Trần (Chén) đến tận Bình Dư (Píngyú) và bắt giam vua Sở (Jīng)... ”“ Vào năm thứ 25 (222), ông tấn công khu vực Liêu Đông (Liáodōng) của nước Yên (Yān) và bắt giữ Hi (Xī), vua nước Yên (Yān), sau đó quay trở lại và tấn công nước Đại {Dài [代]}, bắt giữ Gia {Jiā /嘉/) vua nước Đại, sau đó ông tiếp tục bình định khu vực Giang Nam (Jiāngnán) của nước Jīng [tên gọi nước Sở thời nhà Tần, chú của Ngô Bắc], nơi ông buộc vua nước Việt (Yuè) phải đầu hàng, và biến Cối Kê (Guījī) thành một bộ chỉ huy quân sự (commandery)... ”“ Năm thứ 26 (221)... nhà Tần ra lệnh tướng Vương Bí (Wáng Pēn) tấn công nước Tề (Qí) từ phần phía nam của nước Yên (Yān), nơi mà Kiến (Jiǎn), vua nước Tề (Qí), đã bị bắt.”²³

Khi đó sẽ xuất hiện sự việc rằng sự tiêu diệt Vô Cương (Wú Jiāng) của nước Sở và sự chiếm cứ lãnh thổ của nước Ngô (Wú) vào năm 333 không dẫn đến trong bất kỳ cung cách nào sự sụp đổ của nước Việt (Yuè) như một thực thể chính trị độc lập. Nước Việt (Yuè) không chỉ tiếp tục tiến hành, mà còn đặt ra một mối đe dọa quân sự rõ ràng đối với nước Sở (Chǔ), và thậm chí còn gây ra sự lo ngại đối với nước Tần (Qín) cho đến tận cuối thời Chiến Quốc. Nước Việt (Yuè), trên thực tế, sống lâu hơn nước Sở (Chǔ), dù chỉ vài năm. Đó là nước sau cùng thứ nhì bị chiếm đóng bởi nước Tần (Qín); chỉ có nước Tề (Qí) cầm cự được lâu hơn. Điều này phải dẫn đến kết luận rằng cụm từ quen thuộc "qī xióng: *thất cường*" hay "bảy cường quốc" [tức các nước Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề và Tần, chú của Ngô Bắc] của thời Chiến Quốc (Zhànguó) chỉ là một sự tạo dựng đơn giản hóa của thời gian sau này. Trên thực tế, đã có “tám nước hùng mạnh”, một nước trong đó không phải là nòi giống người Hán (non-sinitic: phi Hán).

Ngay cả sau cuộc chinh phục của nước Tần (Qín), theo *Việt Tuyệt Thư* (Yuèjuéshū), một số phần tử người Việt (Yuè) đã phá vỡ sự kiểm soát hành chính của nhà Tần (Qín) và thiết lập một chuẩn quốc gia (quasi-state) ở khu vực Sơn Âm (Shānyīn [山陰], tức Shaoxing: Thiệu Hưng 紹興, chú của Ngô Bắc] (thuộc tỉnh Chiết Giang (Zhèjiāng) ngày nay, được gọi khác nhau là "Đông Việt: Eastern Yuè" và "Đông Âu: Ōu 甌). Âm tiết Ōu (tiếng Việt “Âu”) là một trong những tên gọi sớm nhất được áp dụng cho dân Việt nguyên mẫu (proto-Vietnamese). Chuẩn quốc gia này vẫn tồn tại trong thời nhà Hán; một trong những vị vua của nó (không rõ tên) được tặng danh hiệu danh dự “Péngzé Wáng 彭澤王: [Bành Trạch Vương]” hoặc “Vua của đầm lầy vùng Bành (Péng)” sau khi em trai ông là Yí Wū 夷烏 [Di Ô], một vị tướng quân, đã giúp triều đình

nhà Hàn bằng cách hạ sát Liú Pì 劉 滂 [Lur Ty], một trong bảy hoàng tử nhà Hàn đứng lên nổi loạn vào năm 154 TCN. Yí Wū (Di Ô), vị tướng quân nước Việt (Yuè) thực hiện vụ loại trừ hoàng tử, được phong là [Bình Đô Vương]: Píngdū Wáng 平 都 王 .²⁴

Năm 221, quân đội nhà Tần (Qín) được phái đến các điểm xa hơn về phía nam để khuất phục các vương quốc “Việt: Yuè” đã tồn tại ở vùng ngày nay là miền nam Chiết Giang (Zhèjiāng) (khu vực Ôn Châu (Wénzhōu [溫 州]), các tỉnh Phúc Kiến (Fújiàn), Quảng Đông (Guǎngdōng) và Quảng Tây (Guǎngxī). Theo một đoạn văn trong quyển *Hoài Nam Tử thiên 18 (Huáinánzi 18)*, nước Tần (Qín) đã trải qua những khó khăn và tổn thất đau đớn trong một nỗ lực kéo dài để bình định nhóm dân Việt (Yuè) được biết đến với cái tên “Tây Âu: Western Ōu” nằm ở lưu vực thượng lưu sông Tây Giang (Xī river) thuộc tỉnh Quảng Tây (Guǎngxī) ngày nay. Một lực lượng nhà Tần (Qín) gồm năm trăm nghìn người, được tiếp tế bởi một kênh đào đặc biệt, cuối cùng đã tìm cách giết Dịch Dụ Tống: Yì Xū Sòng 譯 吁 宋, thủ lĩnh của nhóm này, nhưng sau đó nhóm dân Việt này “biến vào vùng hoang vắng và sống ở đó như các động vật; không ai cam chịu làm kẻ bị giam cầm của nhà Tần (Qín).” Từ những cứ điểm cuối cùng của họ trong rừng rậm, các kẻ lẩn trốn tấn công vào ban đêm, gây thất bại nặng nề cho quân nhà Tần (Qín) và giết chết Đồ Huy (Tú Suī 屠 睢), tổng chỉ huy của đội quân nhà Tần (Qín). Nhà Tần (Qín) sau đó phái những tội phạm đến trấn giữ các đồn trú, nhưng khu vực vẫn chưa được bình định — “những kẻ bệnh hoạn không thể được chữa trị, và người chết không thể được chôn cất”.²⁵

Sau đó, người Hàn giải quyết vấn đề của các vương quốc Việt (Yuè) ở phương nam bằng cách chuẩn cấp cho chúng một mức độ tự trị; một lãnh chúa người Dao {瑤 ?} (Yáo) của vùng Mân: Mân [Việt?] đã có công trong việc các chiến dịch chống lại nhà Tần (Qín), được người sáng lập nhà Hàn ban phong làm "ông hoàng của dân Việt (Yuè)", để "phục vụ hậu duệ của người Việt (Yuè)." ²⁶ *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)* đề cập đến một "thành phố Yáo [Dao [?]]: Yáo city " ở khu vực kinh đô nước Ngô (Wú), theo truyền thuyết địa phương thời hậu Hán, đã từng là tổng hành dinh của nhân vật này. ²⁷ Và như chúng ta đã thấy ở trên, các thực thể Việt (Yuè) độc lập khác đã tồn tại trong thời nhà Hàn ít nhất là cho đến khi trấn áp được bảy nước phong kiến vào năm 154 TCN (trước Công Nguyên).

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA DÂN GIÀN

Chúng tôi hay biết từ những tham chiếu từ thế kỷ thứ nhất và thứ nhì còn sót lại về tiếng Việt (Yuè) rằng ngôn ngữ của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và Phù Sai (Fūchāi) vẫn phát triển mạnh mẽ xung quanh núi Cối Kê (Guìjī) và các khu vực khác dọc theo bờ biển phía đông nam Trung Hoa trong suốt thời hậu Hàn..

Cũng có thể được suy luận từ những gợi ý về văn hóa và ngôn ngữ còn sót lại rằng ngôn ngữ Việt (Yue) (thuộc về ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic), bao gồm, trong số các ngôn ngữ thành viên hiện đại của nó, tiếng Việt, Mường, Chrau, Bahnar, Katu, Gva, Hre, Bonan, Brou, Mon, và tiếng Khmer, hay tiếng Chăm Bô. Bất chấp rất ít bằng chứng cổ xưa còn sót lại, các tác giả Jerry Norman và Tsu Lin Mei, trong một bài viết năm 1976, đã có thể chứng minh, dựa trên tham chiếu cổ đại đến các từ tiếng Việt (Yue) và những tồn tại có tính cách phương ngữ của các từ phi-Hán [không phải là Hán ngữ: non-sinitic] trong các phương ngữ Mân: Mân [Việt] của vùng Phúc Kiến (Fújiàn), mười trường hợp các từ cùng gốc với tiếng Việt Nam hiện đại vốn đã thông dụng trong khu vực văn hóa nước Việt (Yue) thời cổ xưa.²⁸

Bản thân núi Cối Kê (Mt. Guījī) nằm ngay phía đông nam của Thiệu Hưng (Shàoxīng 紹興), quê hương của Lỗ Tấn (Lǚ Xùn: [魯迅, nhà văn nổi tiếng của Trung Hoa đầu thế kỷ 20, chú của Ngô Bắc], ở tỉnh Chiết Giang (Zhèjiāng). Nơi này nổi tiếng với việc sản xuất *hoàng tửu* (*huáng jiǔ* [黃酒]), một loại rượu mạnh màu vàng, và tạo ra những người đàn ông trẻ sắc sảo và chính xác, được gọi là “Thiệu Hưng tử gia” (“Shàoxīng zǐyē” 紹興子爺], những người được sử dụng làm thư ký trên khắp đế chế trong những thế kỷ gần đây.

Thiệu Hưng (Shàoxīng) cách Hàng Châu (Hángzhōu) khoảng nửa giờ bằng xe buýt về phía đông nam. Nếu đi trực tiếp lên phía bắc từ Thiệu Hưng (Shàoxīng), sẽ chạy vào vịnh Hàng Châu (Hángzhōu); nếu đi về phía tây bắc, sẽ gặp sông Tiền Đường (Qiántáng) [được nói đến trong truyện Kiều của Nguyễn Du, chú của Ngô Bắc], chảy vào vịnh. Cũng như thời cổ đại, toàn bộ khu vực được đan xen bởi vô số con sông nhỏ.

Địa danh Thiệu Hưng (Shàoxīng), có nghĩa là “tiếp tục hưng thịnh”, đã được ban tặng cho thành phố khoảng năm 1127 bởi hoàng đế Nam Tống (Southern Song) đầu tiên, Cao Tông (Gāozōng), sau khi ông ta chạy trốn đến đó trước sự tiến quân của nước Kim (Jīn; [金]). Thiệu Hưng (Shàoxīng) thực sự là thủ đô của Nam Tống trong một năm và tám tháng trước khi triều đình chuyển đến Hàng Châu (Hángzhōu), khi đó được gọi là Lâm An (Lín Ān: [临安]). Trước thời Nam Tống, Thiệu Hưng (Shàoxīng) được biết đến với nhiều tên khác như Việt Châu (Yuèzhōu [岳州]), Cối Kê huyện (Guījī District), và Sơn Âm (Shānyīn).

Từ những mô tả ban sơ, chúng ta hay biết rằng phong tục Ngô-Việt (Wú-Yuè) bao gồm việc sử dụng các ngôi nhà sàn để cư ngụ (như có thể thấy ở người Mường và các dân tộc Đông Nam Á khác cho đến tận ngày nay) và một sự ưa thích các đỉnh núi làm nơi định cư và các trung tâm hành chính. Lý do Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và số quân còn lại của ông có thể cầm cự trong một thời gian dài trên đỉnh núi Cối Kê (Guījī) là vì khu định cư đã sẵn được phát triển với các nguồn nước và tiếp liệu dự phòng được lưu trữ.²⁹ Các loại tình huống tương tự nằm đằng sau cuộc rút lui sau này của Phù Sai (Fūchāi) lên đỉnh Núi Cô Tô (Gūsū [姑蘇]. Cho đến nay như tôi hay

biết, không có trường hợp nào của những kẻ thống trị gốc Hán (sinitic) rút lui lên các đỉnh núi để chống cự các cuộc bao vây, cũng như không có trường hợp nào của những kẻ thống trị gốc Hán (sinitic) ban phong danh hiệu cho các chiến thuyền và các thanh kiếm. Những hiện tượng như thế này là những dấu ấn văn hóa Việt (Yuè).

Chúng tôi may mắn sở hữu, phần lớn còn nguyên vẹn, hai văn bản về Cối Kê (Guijī) thế kỷ 1 CN (theo Công Nguyên), *Việt Tuyệt Thư: Yuèjuéshū* 越絕書 (“Các bài viết về sự vĩ đại tuyệt vời của nước Việt (Yuè)”) và *Ngô Việt Xuân Thu: Wú Yuè Chūnqiū* 吳越春秋 (“Biên niên sử nước Ngô (Wú) và nước Việt (Yuè)”), đó là nguồn thông tin phong phú về các truyền thuyết và phong tục của nước Việt (Yuè) thời hậu Hán. Cả hai văn bản này đều mang ơn sự biên soạn, lưu truyền và cuối cùng sự in ấn chúng, hoàn toàn từ tấm lòng yêu nước địa phương của một số thành viên vị thành niên trong giới tinh hoa học thức sống ở phía nam vịnh Hàng Châu (Hángzhōu), tỉnh Chiết Giang (Zhèjiāng).³⁰

Đặc biệt đáng chú ý là các chương 3, “Ngô Địa Chuyển [?]” (“Wú Dì Zhuàn,”) và chương 10, Địa Chuyển (“Dì Zhuàn,”) trong *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)*. Hai chương này mô tả các địa điểm kiến trúc chính yếu và các đặc điểm về địa hình trong và xung quanh các khu vực của cổ đô nước Ngô (Wú) và nước Việt (Yuè) tương ứng, vì chúng được biết đến đối với Ngô Bình [?] (Wú Píng), người biên soạn đầu tiên của văn bản và thường đề cập đến những câu chuyện liên quan đến chúng. Chúng chứa đầy các ghi chú cụ thể về số lượng liên quan đến độ dài các bức tường thành, khoảng cách giữa các địa điểm, số lượng, loại và vị trí của các cổng thành, v.v.... Không có văn bản tiếng Trung Hoa nào sớm hơn còn tồn tại đề cập đến các vấn đề địa lý một cách cụ thể như thế; những chương này là tổ tiên của *địa phương chí (dìfāng zhì)* ở các thời đại sau. Người ta chỉ có thể phỏng đoán rằng Ngô Bình (Wú Píng) thường phải làm hướng dẫn viên du lịch cho các quan chức và các quý tộc nhà Hàn đi qua khu vực. Chúng ta biết rằng Triệu Diệp (Zhào Yè [趙曄]), người biên dịch văn bản thứ nhì [*Ngô Việt Xuân Thu*, chú của Ngô Bắc], đã có một thời gian là một quan chức địa phương chịu trách nhiệm chính xác những nhiệm vụ này. *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)*, như sẽ được trình bày bên dưới, cũng là văn bản tiếng Hán sớm nhất còn tồn tại trong đó tên gọi và tư cách của Tây Thi (Xī Shī [西施]) được kết nối với câu chuyện của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và Phù Sai (Fūchāi); điều này xảy ra liên quan đến một của các địa điểm được đề cập trong chương “Địa Chuyển”: “Dì Zhuàn”.

Nhiều đoạn trong chương này minh họa cách các đặc điểm địa hình và các di tích kiến trúc làm nền tảng cả cho sự phát triển của các câu chuyện lẫn việc bảo tồn các khái niệm và các truyền thống ở vùng nước Việt (Yuè) trong thời hậu Hán. Sự chú ý đặc biệt dành cho các ngọn núi, vừa là địa điểm xây dựng lăng mộ vừa là địa điểm diễn ra các hoạt động quan trọng của hoàng gia. “Ngôi mộ vĩ đại trên núi đơn độc (Lone Mountain)”, một đoạn văn cho biết “là ngôi

mộ mà Gōu Jiàn đã xây làm nơi mai táng của chính ông. Khi dời đô về Lang Gia (Láng Yé), lăng mộ vẫn chưa hoàn thiện. Nó cách huyện lỵ chín dặm (lĩ: lý).³¹ “Tắc Sơn” (“Mt. Jì 稷山), một đoạn văn khác nói, “là tên gọi nơi nghỉ dưỡng kiên cố và thanh tẩy của Câu Tiễn (Gōu Jiàn).” “Cưu Sơn” (“Mt. Sea-turtle: Núi Rùa Biển 龜山, ”đoạn văn tiếp theo nói, “ là nơi Câu Tiễn (Gōu Jiàn) dựng lên Sân Thượng Rong Chơi Giữa Các Cảnh Tượng Quái Dị (Roaming-Among-Prodigies Terrace), đông nam của Cổng Tư Mã [?]: Sīmǎ Gate”:

“Nó được đặt tên như vậy bởi vì nó được dùng để chú tâm quan sát sự di chuyển của các con rùa biển và cũng để nhìn lên bầu trời và quan sát các thiên thể thần kỳ. Nó cao bốn mươi sáu *trương*: *zhàng*, năm chi (feet), và hai phân (inch), có chu vi là năm trăm ba mươi hai bộ (bước) và nằm gần cột mốc dặm đường chỉ Thành Phố Đông (East-city) ngày nay. “Một cái tên khác của nó là Quái Sơn: Prodigy Mountain Prodigy 怪山. Cái tên này phát sinh bởi vì, từ lâu trước đây, nó đã tự di chuyển đến đó chỉ trong một đêm. Mọi người ngạc nhiên về điều này, vì vậy họ gọi nó là Quái Sơn: Núi Quái Dị.

32

Ở trên, chúng ta thấy các chủ đề và các ý tưởng hoàn toàn xa lạ với chuyện kể của Hán tộc (sinitic), nhưng lại có tính chất điển hình trong truyền thuyết lịch sử Việt Nam. Hai loại địa điểm được gán nhiều nhất ý nghĩa thiêng liêng là đỉnh núi và đại dương. Đặc biệt, sự hợp thức hóa chính trị đến từ đại dương, hay cụ thể hơn là từ các con rùa biển. Ở đây chúng ta có cùng một nền văn hóa như văn hóa đã sản sinh ra truyền thuyết về An Dương Vương, nhà lãnh đạo ban sơ, nửa huyền thoại của người Việt phương nam. Nhân vật này không thể bảo vệ tòa thành mà ông ta đã thiết lập ở Cổ Loa, câu chuyện cổ tích kể tiếp, cho đến khi một con rùa vàng được ban tặng khả năng nói tiếng người nổi lên từ đại dương, chỉ cho ông ta cách đánh bại những con quỷ đang khiến cho những bức tường thành của ông sụp đổ hết đêm này qua đêm khác, và ban cho ông một móng vuốt của mình để dùng làm cò bắn của một chiếc nỏ thần.³³

Chủ đề về một ngọn núi bay vào một khu vực và tự gieo mình vào một vị trí cụ thể không phải là điều thường xuyên gặp thấy trong truyền thuyết Trung Hoa, nhưng người ta có nhận thấy loại điều này trong truyền thuyết lịch sử Việt Nam, ví dụ, trong truyện có tên là truyện Đầm Một Đêm (Nhất Dạ Trạch - “Chuyện kể về đầm lầy một đêm” (The Tale of the Single-Night Swamp) - chúng ta đã đọc về một thành phố vĩ đại có tường bao quanh xuất hiện bằng phép màu chỉ trong một đêm, và sau đó biến mất với cùng các tình huống đột ngột và bí ẩn.³⁴ Có thể tham khảo các hiện tượng tương tự trong Chương Bốn của *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)*, nói về một tảng đá lớn, tên là “Đá Sầm [?]: The Stone of Cén”, bên sông Tiền Đường (Qiántáng), đột ngột biến mất vào năm 100 trước Công nguyên, sau đó đột ngột xuất hiện lại vào năm 97; và một tảng đá lớn khác trên núi Kê Túc [?]: Mount Jíduī, được gọi là “Ngôi sao sa xuống”³⁵

Một đoạn văn liên quan đến một ngọn núi khác có dấu tích của ngôn ngữ Việt (Yuè):

“Ma Lâm Sơn (Hemp Grove Mountain 麻林山) còn được gọi là Đa Sơn: Mount Duō 多山. Khi Câu Tiễn (Gōu Jiàn) muốn tấn công nước Ngô (Wú), ông đã trồng cây gai dầu để làm dây cho cung bắn, và cử các người từ nước Tề (Qí) trông coi núi. Ở nước Việt (Yuè), người dân Tề (Qí) được gọi là "Đa: Duō", vì vậy Bãi Trồng Cây Gai: Hemp Grove được gọi là "Đa: Duō" để ngăn nước Ngô (Wú) không biết về nó [nhằm giữ cho nước Ngô (Wú) không nghe thấy rằng cây gai dầu đang được trồng để làm dây bắn mũi tên]. Những cánh đồng dưới núi đã được sử dụng làm thái ấp cho các quan chức có công. Nơi này cách huyện lỵ mười hai dặm (lǐ).³⁶

Một đoạn văn tường thuật trong *Ngô Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)* giới thiệu một vài cụm từ không có âm tiết trong ngôn ngữ Việt (Yuè), nhưng không dịch chúng; tác giả cho rằng người đọc sẽ biết ý nghĩa của chúng. Những văn bản này, chúng ta phải nhớ lại, được viết bởi người dân địa phương dành cho độc giả địa phương. Tuy nhiên, dựa trên câu chuyện, chúng ta có thể đạt được một ý tưởng gần đúng ý nghĩa của hai [? ba] cụm từ:

Khi Gũ Gông [?] chết, Thái Bá (Tàibó 太伯) và Trọng Ung (Zhòng Yōng 仲雍) quay lại. Sau khi hoàn thành việc cử hành tang lễ, họ trở về bộ tộc Kinh (Jīng) và bộ tộc Man (Mán [蠻]). Người dân trong nước đã tôn ông thành nhà cai trị của họ và phục vụ ông. Ông tự xưng là Gōu Wú [Câu Ngô ?]. Một người của nước Ngô [Wú] nói với ông, "Cơ sở nào khiến ông chọn cái tên Câu Ngô: Gōu Wú? "

Thái Bá (Tàibó) nói, "Tôi thiết nghĩ đến kinh nghiệm thâm niên (seniority) của mình để lãnh đạo nhà nước bởi vì tôi không có con cái. Người đáng ra phải được phong tước là *Ngô Trọng* [được thảo luận chi tiết ở bên dưới, chú của Ngô Bắc] : *wú zhòng* 吳仲. Do đó tôi tự gọi mình là Câu Ngô: *gōu wú* 句吳. Điều này không phù hợp sao?

Người nước ngoài tộc Kinh (Jīng) và tộc Man (Mán) nghĩ rằng điều này giữ nguyên tắc rất cao. Những người đã tập hợp để ủng hộ ông và phục tùng ông ấy bao gồm hơn một nghìn hộ gia đình, hành động tập thể, suy tôn ông lên ngai vàng với tư cách là *câu ngô (gōu wú)* của họ. Chỉ trong vài năm, thường dân và dân tộc đã trở nên khá giả.³⁷

Ở đây, trước hết chúng ta bắt gặp các dữ liệu đáng ngạc nhiên rằng danh xưng "**Gōu Wú**" được áp dụng lần đầu tiên, không phải cho một nước, mà là cho một người; nó được nói ở đây là một danh hiệu được thừa nhận bởi người sáng lập truyền thuyết của nước Ngô (Wú), một danh hiệu đã được những người phục tùng ông chấp nhận. Điều còn rõ rệt hơn rằng các nhân vật chính của câu chuyện này và khối độc giả nguyên thủy dự định của câu chuyện này, đã thấy một

ý nghĩa trong các từ *gōu wú* không còn được cung cấp cho chúng ta nữa. Bản thân từ *gōu* có thể được xem một cách quả quyết là một từ tiếng Việt (Yuè); nó thường xuất hiện trong các tên gọi người ta và các địa danh bằng tiếng Việt (Yuè), lại không xuất hiện trong các danh xưng tiếng Hán và không có ý nghĩa rõ ràng trong tiếng Trung Hoa khi được sử dụng trong các danh xưng bằng tiếng Việt (Yuè). Chúng ta làm gì với từ **wú [ngô]**? Tất nhiên, nó đã phát triển, qua nhiều thời đại, thành một trong những họ phổ biến nhất của Trung Hoa, nhưng chúng tôi đang xử lý ở đây với một thời đại, và một văn hóa, không có các họ (surnames). Rất nhiều khớp nối (bản lề) về biểu thức **wú zhòng**. Bản thân *Ngô Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)* ở nơi khác có nói rằng “Wú Zhòng” là tên phụ của *Zhòng Yōng* [Trọng Ung, tức vua Triệu Vũ Linh nước Triệu, chú của Ngô Bặc]; tuy nhiên, theo *Sử Ký (Shǐjì)*, tên phụ này không phải là Wú Zhòng mà là Yú Zhòng 虞仲 [Ngu Trọng].³⁸ Trong âm Hán-Việt, danh xưng sẽ là "Ngu Trọng" thay vì "Ngô Trọng"; “Wú” và “Yú” nghe tương tự trong thời cổ đại. Tuy nhiên, có vẻ như nếu âm tiết là Wú [Ngô], nó nảy sinh do sự liên kết của Trọng Ung (Zhòng Yōng) với nước Ngô (Wú); ông ta đến cai trị nước Ngô (Wú), và là Trọng (Zhòng) có nghĩa là người con trai thứ hai. Điều này vẫn để lại cho chúng ta nghi vấn về ý nghĩa nguyên thủy của từ Ngô (Wú).

Từ điển *Thuyết [Duyệt] Văn Giải Tự (Shuōwén Jiězì)* giải thích bộ phận xuất hiện bên dưới bộ khẩu *kǒu* 口 có nghĩa "miệng" trong chữ này trông như hình ảnh một người nghiêng đầu và nói rằng sự kết hợp của bộ phận này với bộ “khẩu: miệng” có thể có ý nghĩa về sự phát biểu lớn giọng hay vang dội. Nhà bình luận viên Từ Hải (Xú Kǎi) thời Tống (Sòng) nói thêm rằng, về mặt từ nguyên, từ này dùng để chỉ việc phát ra âm thanh, đặc biệt là há miệng lớn hơn hình dạng [bình thường] để tạo ra âm thanh, hỗ trợ cho điều mà ông đã viện dẫn một dòng từ Kinh Thi (Shi [詩]: “Bù wú bù yáng” 不吳不揚 (“bất ngô bất dương: không thốt lời ra, không được phô bày”).³⁹ Nhìn về việc chấp nhận thuật ngữ của các bộ tộc người Kinh (Jīng) và người Man (Mán) trong câu chuyện, có vẻ nhiều phần thuật ngữ này dễ hiểu đối với họ khi tham chiếu đến một nhân vật thẩm quyền trong nền văn hóa của họ; nó phải đề cập đến một cái gì đó bao gồm cả ý tưởng về giới lãnh đạo và (nếu từ nguyên đồ họa Trung Hoa của từ này có bất kỳ liên quan nào) ý tưởng về sự phát ngôn, chẳng hạn như “Người phát ngôn của Trời”, “Giọng nói của các Thần Linh”, “Người phiên dịch Các Điềm Báo của Rùa Biển” “Người Loan Báo Định Mệnh”, hoặc tương tự. Khi Thái Bá (Tàibó) nói rằng một người phải được phong tước là **wú zhòng**, ông ấy hoặc nói rằng nhân vật này phải là một "nhà phát ngôn thần thánh người con thứ hai" (sẽ vi phạm cú pháp tiếng Hán, nhưng không vi phạm cú pháp tiếng Việt (Yuè)), hoặc ông đang sử dụng âm tiết **zhòng** để đại diện cho một từ tiếng Việt (Yuè) biểu thị một số thuộc tính khác.

Điều này để lại vấn đề về ý nghĩa của từ *gōu [câu]* trong *gōu wú [câu ngô]*. Chúng ta có thể, trước hết, hãy quan sát rằng ý chính của sự đoán chắc của Thái Bá (Tàibó) đối với người đặt câu hỏi là nhiệm kỳ của ông với tư cách là thủ lĩnh của các bộ lạc địa phương sẽ là tạm thời; ông không có con cháu; do đó người kế vị phải là em trai của ông, người có con cháu nối dõi. Như đã nói ở trên, nguyên tố *gōu* xuất hiện trong các tên gọi tiếng Việt (Yuè) khác; một danh tính như vậy là "Gōu Jiàn [Câu Tiễn]." Như chúng ta đã thấy ở trên, Câu Tiễn (Gōu Jiàn) còn được gọi là Tăn Zhí [Thản Trị hay Thản Trục 坦直, chú của Ngô Bặc], một cái tên được hiểu trong tiếng Hán là "kẻ cầm, giữ cây lau sậy". Cho phép khấu trừ cấu trúc cú pháp đối chọi của tiếng Việt (Yuè) và tiếng Hán, và do đó, giả sử rằng từ *zhí: trị (hay trục)*, "nắm, giữ, cầm trong tay" đại diện cho ý nghĩa của từ *gōu [câu]*, chúng ta khi đó có thể có một số cơ sở để đưa ra giả thuyết rằng *gōu wú* có nghĩa là "người nắm giữ quyền phát ngôn của thần thánh (tạm thời hoặc lâm thời)." ."

Mặc dù chưa có câu chuyện nào kể cho chúng ta về những từ tạo nên từ ghép "Yú Yuè" [逾越: *Du Việt ?*], danh xưng phù hợp để có một từ nguyên tương tự. Biểu đồ tượng hình của từ Việt (Yuè) 越 bao gồm (và trong thời gian ban đầu bao gồm toàn thể) một sự thể hiện của một cái rìu (búa) đặc biệt, mang dấu ấn văn hóa, có móc hoặc dây kéo [sic, trong nguyên bản ghi nhầm thành từ không hiện hữu *halbard*, nhiều phần là *halyard* hay *halliard*, chú của Ngô Bặc]. Từ sự xuất hiện của nó trong một số địa danh và tên gọi người ta, âm tiết *yú* dường như có nghĩa là "có", "sở hữu." ⁴⁰ Vì vậy, nếu áp dụng cho một người, các âm tiết có thể có nghĩa là "người sở hữu chiếc rìu (búa) quyền lực."

Đối với việc "cầm, nắm, giữ cây lau sậy", khái niệm này được hình thành trong truyền thuyết lịch sử Việt Nam như một điềm báo hay biểu tượng của sự lãnh đạo tiên định của Đinh Tiên Hoàng (968 - 979 sau CN), người sáng lập một triều đại Việt Nam tồn tại ngắn ngủi, theo mẹ về quê hương sau cái chết của cha ông ấy. Truyền thuyết kể rằng ở đó, ông thường cùng những đứa trẻ khác đi chăn bò và trâu nước, và sẽ khiến những người bạn đồng hành của mình cùng liên tay làm một chiếc kiệu để ông ngồi lên như một nhà cai trị, và thường sử dụng cây lau sậy để làm các cờ hiệu quân sự sử dụng trong các trò chơi tập trận mà ông đóng vai trò chỉ huy. Khi mẹ ông nhìn thấy hành vi này, bà hài lòng và bày tiệc chiêu đãi láng giềng và thân nhân. ⁴¹

CĂN NGUYÊN CỦA HUYỀN THOẠI TÂY THI (XĪ SHĪ)

Ngoài việc chứng thực sự phổ biến của nhiều từ ngữ, phong tục và truyền thuyết Việt (Yuè) trong khu vực Cối Kê (Guījī) trong thời hậu Hán, *Việt Tuyệt Thư* (Yuèjuéshū) và *Ngô Việt Xuân Thu* (Wú Yuè Chūnqiū) là những văn bản sớm nhất còn sót lại để rút ra bất kỳ mối liên hệ nào giữa mỹ nhân huyền thoại được gọi là Tây Thi (Xī Shī) và sự hủy diệt của nhà nước Ngô (Wú); và, ngay cả trong hai văn bản này, câu chuyện không có gì nhiều hơn là một điềm báo trước phôi thai của câu chuyện mà chúng ta quen thuộc ngày nay. Ngay trong thời Hậu Hán, cái tên Tây Thi (Xī Shī) đã là một ngạn ngữ (byword) chỉ vẻ đẹp trong khoảng ba thế kỷ. Các chủ đề về sự cau mày, ợ chua và nỗ lực vô ích của Đông Thi (Dōng Shī) để thi đấu với sự quyến rũ của nàng xảy ra trong quyển *Trang Tử* 莊子 *Zhuāngzǐ*, nhưng không có gì trong văn bản đó kết nối Tây Thi (Xī Shī) với bất kỳ địa phương hay sự kiện nào.

Các tham chiếu thoáng qua liên quan đến Tây Thi (Xī Shī) như một người đẹp cũng xuất hiện trong *Quản Tử* [管子] *Guǎnzǐ* (“Xiǎo Chēng; [Tiểu Xung. thiên 32]”), *Thuyết Uyển: Shuō Yuàn* (Tôn Hiền [?]: Zūn Xián), *Hoài Nam Tử* [淮南子]: *Huáinánzǐ* (“Shuō Lín Shùn: [Thuyết Lâm Huán (thiên 17)]”) và *Tuân Tử* [荀子] *Xúnzǐ* (“Zhèng Lùn: [Chính Luận]”). Ba tham chiếu đầu tiên trong số các tài liệu tham khảo này chỉ đơn thuần quan sát rằng “Tây Thi (Xī Shī) và Mao Tường (Máo Qiáng [毛嬙]) là những người tuyệt đẹp của vương quốc,” hay “có ngoại hình vô song”, v.v. *Tuân Tử* (Xúnzǐ) nói “vẻ đẹp yêu kiều nhưng đáng ghét của Tây Thi (Xī Shī).” Chỉ trong *Mặc Tử* 墨子 (Mòzǐ) (“Qīn Shì: Thân Sĩ [thiên 1]”), chúng ta mới tìm thấy điều gì đó cụ thể hơn một chút: “Và do đó, chúng ta có thể thấy rằng việc hành quyết Tỉ Can: Bǐ Gān [比干] là do sự kháng nghị của ông; cái chết của Mễng Fèn [孟賁 Mạnh Bôn, cũng được đề cập tới trong Thiên 1: Thủ Đạo (Thuật Giữ Nước), sách của *Hàn Phi Tử*, chú của Ngô Bắc]) là do lòng dũng cảm của ông ta; Tây Thi (Xī Shī) bị chìm chết đuối là do sắc đẹp của cô; và việc chặt tay chân của Ngô Khởi: Wú Qǐ [吳起] là do quyền lực của ông ấy.”

Khi truyền thuyết về Tây Thi (Xī Shī) như là người tiêu diệt nước Ngô (Wú) xuất hiện ở thời hậu Hán, hai phiên bản về số phận chung cuộc của cô cũng xuất hiện. Một phiên bản nói cô trở về nước Việt (Yuè) và đã rời khỏi nước đó với Phạm Lãi (Fàn Lǐ), “cùng chàng lênh đênh trên năm hồ” (tức Thái Hồ (Tàihú), tỉnh Giang Tô (Jiangsu) ngày nay.⁴² Phiên bản kia ghi lại rằng sau khi nước Ngô bị diệt vong, nước Việt (Yuè) mang Tây Thi (Xī Shī) ra thả trên sông Tiền Đường [Qiántáng]. Họ đã để cô ấy “trôi theo chiếc túi bằng da”, ám chỉ đến sự ngược đãi trong truyền thuyết đối với xác chết của Ngũ Tử Tư (Wú Zǐ Xū [伍子胥]) (thi thể bị nhét vào

một chiếc túi bằng da và ném xuống sông Tiền Đường (Qiántáng), và do đó kết thúc sự sinh tồn của cô.⁴³

Đối với một độc giả hiện đại, có vẻ như tác giả của đoạn văn trong *Mặc Tử* (*Mòzǐ*) đang ám chỉ đến phiên bản thứ nhì trong số những truyền thuyết này, và do đó hay biết về một Tây Thi (Xī Shī) liên quan đến câu chuyện hai nước Ngô-Việt (Wú-Yuè), nhưng suy luận này, cho dù được nêu ra thường xuyên, gần như chắc chắn là sai lầm. Tác giả đã cần điền khuyết vào mảng các sự ám chỉ của ông bằng một ví dụ khác về sự hủy diệt phát sinh từ một số loại đặc điểm cá nhân, vì vậy ông ta đã mượn hoặc phát minh ra một số liệu ngẫu nhiên liên quan đến một nhân vật được sử dụng như một khẩu hiệu cho vẻ đẹp. Lý do chúng tôi có thể khá chắc chắn về điều này là vì không có văn bản trước *Việt Tục Thư* (*Yùejúeshū*), thậm chí các văn bản thời nhà Hán như *Sử Ký* (*Shǐjì*) hay *Hoài Nam Tử* (*Huáinánzi*) hay *Liệt Nữ Truyện: Liènnǚzhuàn* [列女傳], không hề có một từ nào nói về một Tây Thi được kết nối với nước Việt (Yuè).

Sử Ký Thiên 41 (*Shǐjì 41*) không chỉ không có Tây Thi (Xī Shī), mà còn giới thiệu một nhân vật đụng độ với Tây Thi (Xī Shī) trong huyền thoại sau này. Lời kể về các cuộc phiêu lưu của Phạm Lãi (Fàn Lǐ) tại nước Tề (Qí) sau khi ông rời khỏi nước Việt (Yuè) có một nhân vật được xác định là vợ của ông ta, nhưng người này không phải là Tây Thi (Xī Shī) hay bất cứ ai như Tây Thi (Xī Shī). Người đàn bà ấy không được nêu tên; bà chỉ xuất hiện với tư cách là mẹ của ba đứa con trai của Phạm Lãi (Fàn Lǐ), và vai trò của bà ta chỉ giới hạn trong việc nói và làm một vài điều theo khuôn phép của một người mẹ. Điều này, tôi nghĩ, như là bằng chứng thuyết phục khi người ta có thể mong muốn sự không tồn tại của một huyền thoại Tây Thi (Xī Shī) trong tài liệu về Ngô-Việt (Wú Yuè) giữa thời nhà Hán. Tuy nhiên, người ta có thể mặc định rằng việc giới thiệu nhân vật người vợ này có thể đã phục vụ như một khung sườn thuận tiện cho những người viết tiểu thuyết sau này sử dụng khi họ xây dựng truyền thuyết Tây Thi (Xī Shī).

Liệt Nữ Truyện: Liènnǚzhuàn [列女傳], biên soạn bởi Lưu Hưởng (Liú Xiàng/劉向) về những phụ nữ nổi tiếng, hoàn toàn không có tham chiếu nào đến câu chuyện Ngô-Việt (Wú Yuè) và Tây Thi (Xī Shī), điều này cho thấy rằng, vào cuối thời nhà tiền Hán, vẫn không có câu chuyện Tây Thi (Xī Shī) quanh quẩn, như nó đã từng có, để Lưu Hưởng (Liú Xiàng) thu thập và thêm vào sách của mình. Nói cách khác, Tây Thi (Xī Shī) thuộc về thiên anh hùng ca Ngô-Việt (Wú Yuè) (như đối lập với vẻ đẹp không được định vị về mặt địa lý, thời gian và tình huống đề cập đến bởi Trang Tử (Zhuāngzǐ) và những tác giả khác) vẫn chưa được sáng tạo ra.

Nhưng giả sử, vào lúc này, rằng cô ấy đã được sáng tạo ra thì sao? Chương nào trong *Liệt Nữ Truyện* (*Liènnǚ Zhuàn*) có thể đề cập câu chuyện của cô ấy xuất hiện? Những người mẹ đức hạnh và những người vợ xứng đáng? Những phụ nữ có tài nói năng? Phụ nữ có kỹ năng phân tích tính tình và dự đoán sự kiện? Phụ nữ độc hại và sa đọa? Như Muội Hỷ (Mèi Xǐ), Đát [Đắc?] Kỳ (Dá

Ji), Bao Tự (Bào Sĩ), và những phụ nữ khác đứng trong loại cuối cùng, một Tây Thi (Xī Shī), là kẻ được phát kiến ra bởi người dân của Cối Kê (Guījī) đã sử dụng vẻ đẹp của mình để tiêu diệt một nước, nhưng cô ấy cũng là một thứ gì đó mới mẻ trong tiếng huyền thoại lịch sử Trung Hoa: một cô gái gây tai họa đã hành động vì những động cơ cao quý nhất và vị tha nhất. Trở về số phận của quê hương, cô đặt hạnh phúc cá nhân sang một bên để tiêu diệt kẻ thù của nhân dân cô. Chính vì thế, cô phải được xem là một kẻ bán mình chính đáng và yêu nước sâu sắc, người đầu tiên thuộc loại người như cô ấy, và là tiền thân của hàng trăm "người cung nữ hiểu biết ý nghĩa của lễ chính đáng và sự chuẩn mực" mà người ta gặp thấy trong truyền thuyết cuối thời đế quốc. Chính vì thế, không chỉ có Tây Thi (Xī Shī) là người mất tích vào lúc kết thúc nhà Hán; *khái niệm (concept)* về một người như Tây Thi (Xī Shī) cũng đang biến mất như thế.

Sau đó, truyền thuyết đã bắt đầu như thế nào? Câu trả lời là rõ ràng để nhìn thấy trong *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)*; nó đã bắt đầu như một phản ứng của địa phương trước sự tò mò của những du khách quan chức chăm chú nhìn các tàn tích của các công trình kiến trúc cũ trong và xung quanh khu vực Cối Kê (Guījī). Trong *Việt Tuyệt Thư, Chương 10 (Yuèjuéshū 10)*, chương giống như địa chí (gazetteer) về phần các di tích của khu vực kinh đô cũ của nước Việt (Yuè), chúng ta đọc thấy::

“Cung điện Lộng Lẫy (Dazzler) [Měirén Gōng [Mỹ Nhân Cung: 美人宮], chu vi dài 590 bước, hai cổng lối vào trên mặt đất, một cổng vào bằng đường thủy, nằm cạnh bức tường thành bằng đất kế bên gò cấm trụ đánh dấu dặm đường phía bắc Tánlì [Đàn Lực (?): 彈力], là cung điện và đài cao nơi mà Câu Tiễn (Gōu Jiàn) đã đào tạo và hướng dẫn các người đẹp Tây Thi (Xī Shī) và Zheng Dàn [Chánh Đản: 正旦]. Những cô gái này đến từ các vùng lân cận của núi Trữ Lực [?] (Mt. Zhúlúo). Ông ấy [Câu Tiễn: Gōu Jiàn] muốn tặng họ cho vua Ngô (Wú), nhưng tự nhủ, "Dōngchuí [?] [rõ ràng là một địa danh] thì xa xôi và quê mùa"; và ông sợ rằng các cô gái sẽ không tinh tế và thô thiển, vì vậy ông đã khiến họ cư trú gần Đại Lộ (Great Avenue), cách quận lỵ năm dặm.⁴⁴

Đoạn văn này là một phần của chủ đề (topos), xuyên suốt chương sách này, về các sự chuẩn bị bí mật thực hiện bởi Câu Tiễn (Gōu Jiàn) để đánh bại nước Ngô (Wú) — một chuẩn bị khác, như chúng ta đã thấy ở phần trước, là việc trồng cây gai dầu để làm dây cung. Đoạn văn liên quan đến "Cung Điện Lộng Lẫy" trích dẫn ở trên chỉ phản ánh giai đoạn sơ khai của huyền thoại; Tây Thi (Xī Shī) chưa phải là tiêu điểm của sự chú ý đặc biệt; cô ấy là một trong cặp đôi mỹ nhân quyền rũ ngang nhau.

Cô tiếp tục đảm nhận vai trò hạn chế, gần như vô danh này trong Chương 14 *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū* 14), “Jiǔ Shù” [Cửu Thuật 九術 (“Chín sách lược”), mô tả việc Phù Sai (Fū Chāi) tiếp nhận một loạt các những món quà cống nạp từ nước Việt (Yuè). Trong số các món quà có các đồ vật bằng ngọc bích, đồ vật có chạm nổi bằng vàng, và gỗ chạm khắc tinh xảo, tạo cảm hứng cho Phù Sai (Fūchāi) bắt đầu xây dựng tháp Cô Tô (Gū Sū), một chủ đề đã được các nhà xây dựng sau này về truyền thuyết Tây Thi (Xī Shī) chọn lọc ra. :

“... Vua Ngô (Wú) không nghe [lời khuyên của Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū)] và ngay sau đó chấp nhận cống nạp và bắt đầu xây dựng Tháp Cô Tô Gū Xū 姑胥.” [Trong truyền thuyết sau này, ký tự “Xū” trong “Gū Xū” được thay thế bằng “Sū” 蘇. [cùng có âm là Tô nhưng chữ viết khác nhau, chú của Ngô Bắc]]

“Phải mất ba năm để thu thập vật liệu xây dựng và năm năm để hoàn thành việc xây dựng. Nó cao đến mức có thể nhìn thấy cách xa cả trăm dặm (*lǐ*). Du khách trong khu vực nói rằng xác của những người chết đang khóc”. [mục đích của chi tiết này là để chứng minh sự sai trái và bất hạnh khủng khiếp của dự án xây dựng tòa tháp này.]

Nước Việt (Yuè) bấy giờ đã trang điểm cho các mỹ nhân Tây Thi (Xī Shī) và Chính Đán (Zhèng Dàn), và cử viên quan trong triều [là] Văn Chung ([Wén] Zhōng) cống nạp họ lên vua Wú, kẻ đã tâu rằng, "Một thời gian trước đây, Câu Tiễn (Gōu Jiàn), vua nước Việt (Yuè), không có công lao gì, đã có Tây Thi (Xī Shī) và Chính Đán (Zhèng Dàn) do Trời ban tặng. Nước Việt (Yuè) thì bản thiêu, khốn khổ và nghèo đói; chúng tôi không dám tuyên nhận cá nhân món quà này của Trời, vì vậy ông ấy đã sai tôi, một bề tôi thấp hèn tên Chung (Zhōng) này, cúi đầu hai lạy và xin trao tặng họ lên bệ hạ.” Vua Wú rất hài lòng.

Thân Tư (?) [Ngũ Tử Tư (Shēn Xū [Wǔ Zǐ Xū]) khuyên vua rằng, "Điều này không thể được làm. Bệ hạ không được nhận món quà này. Bầy tôi của ngài đã nghe nói rằng ngũ sắc khiến mắt người ta mất đi sự tinh tường và năm âm điệu khiến tai của người ta mất đi độ thính tai. Nước Yết (Jié) [羯] không coi trọng nhà Đường (Tāng [唐] và đã bị hủy diệt; Vua Trụ (Zhòu) [tức Trụ Vương 紂 nhà Thương 商], chú của Ngô Bắc] không coi trọng Văn Vương (Wén) của nước Chu (Zhōu) và bỏ mạng. Bệ hạ chắc chắn sẽ gặp tai họa sau khi nhận món quà này...⁴⁵

Đây là những tham chiếu duy nhất đến Tây Thi (Xī Shī) trong *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*) hiện còn tồn tại. *Ngô Địa Ký* 吳地記, *Wú Dì Jì*, một văn bản cuối thời nhà Đường,⁴⁶ có một đoạn mà chúng ta có thể thấy phần khởi đầu của mối liên hệ giữa Tây Thi (Xī Shī) và Phạm Lãi

(Fàn Lí) sẽ trở thành một phần nổi bật của truyền thuyết sau này. Mối liên hệ được phản ánh ở đó, như có thể thấy bên dưới, rất khác với sự liên kết diễn tiến sau này:

Cách quận Gia Hưng ([嘉興] Jiā Xīng, [thuộc tỉnh Chiết giang, chú của Ngô Bắc]) một trăm dặm (lĩ) về phía nam là “Ngôi Đình Đứa Trẻ Biết Nói Talking Infant Pavilion”. Khi Câu Tiễn (Gōu Jiàn) ra lệnh cho Phạm Lãi (Fàn Lí) dẫn Tây Thi (Xī Shī) đi làm công vật cho Phù Sai (Fūchāi), Tây Thi (Xī Shī) đã có quan hệ bất chính với Phạm Lãi (Fàn Lí) trên đường đi, không đến nước Ngô (Wú) mãi cho đến ba năm sau. Vì vậy, cô có một đứa con trai và khi đến ngôi đình này, đứa con trai một tuổi của cô đã có thể biết nói nên được gọi là “Ngôi Đình Đứa Trẻ Biết Nói. ”

Ở đây, lần đầu tiên, chúng ta thấy Tây Thi (Xī Shī) vừa được soi sáng (hiện không còn nói về nhân vật nữ khác, Chính Đán (Zhèng Đán), vừa được kết nối với Phạm Lãi (Fàn Lí). Tuy nhiên, truyền thuyết sau này sẽ dứt khoát bác bỏ ba năm quan hệ bất chính với Phạm Lãi (Fàn Lí) và việc sinh được một con trai.

Ngay cả sau khi có sự phát triển, trong vùng nước Việt (Yuè) cũ, về một nàng Tây Thi (Xī Shī) hủy diệt nước Ngô (Wú), phải mất nhiều thế kỷ để cô ấy có được phổ biến rộng rãi ở Trung Hoa nói chung. Cho đến cuối thời nhà Đường, bất cứ ai đã viết hoặc biên soạn câu chuyện của Đôn Hoàng 敦煌 (Dùnhuáng) [thuộc tỉnh Cam Túc ngày nay, chú của Ngô Bắc] về Ngũ Tử Tư (Wú Zǐ Xū) hoàn toàn không hay biết rằng một phần tử Tây Thi (Xī Shī) của tài liệu về [quan hệ] Ngô-Việt (Wú Yuè) đã từng hiện hữu.⁴⁷ Để cho câu chuyện về nàng Tây Thi hủy diệt nước Ngô được phổ biến ở cấp quốc gia, như nó đã diễn ra, cần xảy ra, trước tiên một sự phát triển kinh tế xã hội quy mô lớn: sự định cư và phát triển của người Trung Hoa tại miền nam trong thời kỳ nhà Đường, và, đặc biệt hơn trong thời Nam Tống.

Điều này rất tương đồng với sự phát triển các truyền thống gắn liền với những thần tượng văn hóa Trung Hoa khác. Nhiều thành phần của tài liệu về Gia (hay Chư) Cát Lượng (Zhūgé Liàng) bắt đầu trong nước Thục (Shǔ) hay khu vực Tứ Xuyên (Sìchuān) và chỉ dần dần lan rộng ra toàn bộ Trung Hoa.⁴⁸ Lễ hội đồ ăn nguội lạnh, gắn liền với Giới Tử Thôi: Jiè Zǐ Tuī [介子推 / viên chức của Tấn Văn Công (Jìn Wéngōng), đã có những [sự loạn truyền] khởi đầu trong khu vực một thời bị chiếm đóng bởi nhà nước Tấn cổ thời và chỉ dần dần, và đôi mặt với nhiều sự chống đối chính thức, được phổ biến khắp Trung Hoa.⁴⁹ Nguồn gốc của câu chuyện Vương Thúy Kiều (Wáng Cuìqiáo), sau khi đóng vai trò là cơ sở của một cuốn tiểu thuyết trong thời nhà Thanh (Qīng), đã trở thành, vào đầu thế kỷ XIX, chủ đề của một tập truyện thơ lãng mạn dài mà cuối cùng đã đạt được vị thế của một thi tập quốc gia của Việt Nam, đã tiến hóa theo cách rất giống với câu chuyện nàng Tây Thi (Xī Shī) hủy diệt nước Ngô; đầu tiên, Thúy Kiều (Cuìqiáo)

chỉ là một trong hai hầu thiếp của một tên cướp biển đã nhảy xuống một ao và chết đuối sau khi tên hải tặc bị tiêu diệt bởi quân triều đình nhà Minh — nguồn tài liệu sớm nhất thậm chí còn không đặt tên cho cô ấy; sau đó, từng giai đoạn một, cô ấy tiến hóa thành một nữ anh hùng của võ đại bi kịch.

KẾT LUẬN

Dựa trên dữ liệu được trình bày trong các phần trên, tôi tin rằng có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng tầm quan trọng địa chính trị của nước Việt (Yue) ở Trung Hoa thời tiền đế quốc, và sức mạnh liên tục của các chính thể và truyền thống Việt (Yue) ở đông nam Trung Hoa sau khi có sự thống nhất của nhà Tần (Qín), hầu như không được các nhà sử học trong khu vực công nhận. Một lý do cho điều này là rào cản ngôn ngữ Việt - Trung Hoa, điều đã nhất quán ngăn chặn luồng thông tin từ nước Việt (Yue) (nói một cách bao quát) vào Trung Hoa (nói một cách bao quát). Các mẫu dữ liệu mà vượt qua rào cản thì rời rạc, bị cắt xén, đôi khi mâu thuẫn lẫn nhau, và bị chôn vùi trong những đoạn văn liên quan đến những vấn đề khác. Một lý do khác cho khả năng tàng hình tương đối của nước Việt (Yue) khỏi một tầm nhìn của Trung Hoa là **bản chất phân hóa nội tại (inherently disintegrative nature) của nền chính trị nước Việt (Yue), một tính chất làm nên lịch sử của nước Việt, ở bất kỳ nhóm hay thời kỳ nào, khiến khó khăn để có thể thông hiểu thấu đáo. Dân tộc Việt (Yue) (nếu tôi có thể mạo hiểm tổng quát hóa ở đây), thiếu sự tận tâm mạnh mẽ cho các lý tưởng về sự liên đới đoàn kết và thống nhất chính trị vốn là đặc điểm nổi bật thường thấy của các dân tộc Trung Hoa. Nhìn sơ qua người ta có thể thấy rằng lịch sử triều đại của Việt Nam rối ren hơn nhiều, đầy rẫy sự phân chia tàn sát lẫn nhau nhiều hơn lịch sử triều đại của Trung Hoa. Ngay cả huyền thoại về nguồn gốc dân Việt Nam nhấn mạnh đến sự phân hóa hơn là thống nhất: Lạc Long Quân và Âu Cơ, tổ tiên của dân tộc Việt Nam, phải đồng ý sống xa nhau, bởi vì bản chất của họ quá khác biệt; một bên là một sinh vật đại dương, bên kia là một sinh vật miền núi. [in đậm làm nổi bật bởi người dịch Ngô Bắc]**

Tuy nhiên, sự hiện diện của Việt tộc (Yue) ở đông nam Trung Hoa đã lan rộng và bám rễ chắc chắn, đến nỗi không thể nói ngay vào lúc này rằng nó đã biến mất. Người ta chỉ phải quan sát nghi lễ nhảy múa lên đồng (shamanistic) trước các ngôi đền Đạo giáo ở Đài Loan (nơi có dân cư hậu duệ của cả các dân tộc Mân-Việt (Mĩn-Yue) và các dân tộc Trung Hoa bị ảnh hưởng bởi văn hoá Mân-Việt (Mĩn-Yue) để được gợi nhớ về một số chủ đề văn hóa của Việt (Yue) cổ đại: những cỗ trống trận thâm trầm sở hữu cả ý nghĩa vũ công lẫn ý nghĩa siêu nhiên, tục xăm mình, tục vẽ mặt, nhảy múa hiệu chiến, v.v. Người ta chỉ cần nghe âm nhạc bản địa của miền đông nam Trung Hoa và của Việt Nam để nhận thức một tinh thần, bi thảm và có tính cách chủ nghĩa cá

nhân, hoàn toàn khác biệt với sự lạc quan cộng đồng vững mạnh của âm nhạc Trung Hoa ở phương bắc. Để kết thúc với một khái quát hóa còn chững tai hơn nữa, bản tính Việt (Yuè ethos) là đối chứng *âm*: *yīn* đối với định hướng *đương*; *yáng* của người Trung Hoa./-

Phụ lục A:

Yuèjuéshū Việt Tuyệt Thư :

Xuất Xứ và Lịch Sử Văn Bản

Nhan đề “*Việt Tuyệt Thư: Yuèjuéshū*,” có nghĩa là “Sự vĩ đại tuyệt vời, phá kỷ lục, của nước Yuè (The Sensational, Record-breaking Greatness of Yuè)” dường như đã được đặt tên này bởi nhà biên tập thứ nhì của nó, Nguyên Khang [? 元康] Yuán Kāng. Nhà biên soạn nguyên thủy, Wú Píng [? 吳平 Ngô Bình], còn được gọi là Wú Gāojūn [[?] 吴高俊 Ngô Cao Tuấn], một người từ đầu đến giữa thế kỷ thứ nhất (1) sau Công Nguyên (CN), ghi nhan đề là Việt Nữ Lục [?] “Yuèniǚlù.” Ý nghĩa cơ bản của từ “niǚ: nữ [?]” là “nút thắt”, chuỗi dây được thắt chặt chẽ không thể tháo ra được”. Trừ khi từ có một số ý nghĩa địa phương không thể khám phá được, do đó, nhan đề phải có nghĩa là “Tài liệu Về Cốt Lõi nước Việt: Records of the Yuè Nexus)” hay “Tài liệu về nước Việt (Yuè) và những điều Tỏa Sáng từ nước Việt (Yuè), hay “Tài Liệu về câu đố chưa được giải đáp của nước Việt (Yuè).”

Sau đó, một người tên Yuán Kāng (Nguyên Khang) đã cầm giữ một bản thảo và đã thêm phần giới thiệu trong đó ông gợi ý, một cách bồn chồn và phi lý, rằng cuốn sách có thể đã được biên soạn bởi Tử Cống: 子貢 (Zǐ Gòng), đệ tử của Khổng Tử (Kǒngzǐ), hay có thể được biên soạn bởi Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū). Trong số nhiều lý do khiến hai đề xuất này là phi lý là vì cuốn sách chứa vô số tham chiếu đến các nhân vật của các thời Chiến Quốc (Zhànguó), nhà Tần (Qín) và nhà Hán (Hàn). Tác giả Nguyên Khang (Yuán Kāng) này cũng thêm một phần kết luận, trong đó ông ấy cung cấp, với bộ dạng úp mở, tên của chính ông ấy và tên của Ngô Bình (Wú Píng) là đồng tác giả của cuốn sách. Khi làm như vậy, ông ấy ngụ ý rằng ông là tác giả chính, trong khi sự thật của vấn đề dường như là Ngô Bình (Wú Píng) đã biên soạn nó và Nguyên Khang (Yuán Kāng) đã giữ một bản sao, thêm một vài phần, tuyên nhận nó, và quảng bá nó.

Việc chúng ta biết nhiều điều này về lịch sử của văn bản là nhờ tham chiếu đến nó trong quyển *Luận Hành Lùn Héng* 論衡 của nhà triết học duy vật và hoài nghi nổi tiếng Vương Sung [王充] Wáng Chōng. Niên đại của Vương Sung (Wáng Chōng) là từ năm 27 đến 97 sau Công Nguyên (CN). Bản thân ông là người gốc Cối Kê (Guījī); mộ của ông tại vùng phụ cận của

Thiệu Hưng (Shàoxīng) vẫn còn có thể đến thăm viếng. Trong chương 83 của quyển *Luận Hành* (*Lùn Héng*), gần cuối chương, chúng ta thấy sự tham chiếu sớm nhất đến văn bản này.

Trong chương này, Vương Sung (Wáng Chōng) đã kích phong cách thô thiển của việc tôn sùng một cách mù quáng những tác phẩm của người xưa và chê bai một cách mù quáng những tác phẩm của các tác giả đương thời. “Hãy để chúng ta ghi nhận,” ông nói, “Zòu Bóqí [Chu Bá Kỳ] của Đông Fān [?], Nguyên Thái Bá [?] Yuan Tàibó và Nguyên Văn Thù [?] Yuan Wénshù của vùng Lâm Hoài [?] (Línhuái), và Wú Jūngāo và Zhōu Chángshēng của Cối Kê (Guìjī), mặc dù họ ở vị trí cao cấp, tuy nhiên lại có một kho kiến thức và khả năng để được xem là các anh tài của văn học.”

Vương Sung (Wáng Chōng) sau đó tiếp tục đặt tên cho các tác phẩm của các tác giả này, và vì thế, từ dữ liệu được cung cấp chúng ta hay biết rằng Wú Jūngāo của Cối Kê (Guìjī) trong mọi khả năng không ai khác hơn Wú Píng, kẻ được ám chỉ trong chương cuối của *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*), như là một trong hai nhà biên soạn.

“Nếu chúng ta quan sát,” ông nói, “trong quyển *Dõi Tìm Các Nguồn Gốc Tư Tưởng: Tracing the Origins of Thought: Nguyên Tư* [Yúan Sī] của [Chu] Bá Kỳ (Bóqí), các lời bình luận chương sách của Thái Bá [?] (Tàibó) về các bản khắc trên Xián [?] của Yi [Yì Zhāng Jù ?] Văn Thù (Wénshù) [Xián Míng ?], *Việt Nữ Lục* (*Records of the Nexus of Yuè*) [Yuè Niǔlù] của Jūngāo [?] và Sự Giải Thích Niên Đại: Explication of Chronology [Dòng Li ?] của Chángshēng [?], chúng ta sẽ thấy rằng Liú Zǐ Zhèng [劉子政: Lưu Tử Chính] tức [Lưu Hướng: Liú Xiàng: 劉向] và Yáng Zǐ Yún: [Dương Tử Vân: 揚子云] tức Yáng Xióng: 揚雄: Dương Hùng] không thể vượt trội hơn họ.

Từ các lời bình luận của Vương Sung (Wáng Chōng), chúng tôi thu thập được thông tin quý giá rằng Wú Jūngāo là người của vùng Cối Kê (Guìjī), ông không giữ chức vụ quan trọng, và vào thời điểm Vương Sung (Wáng Chōng) nhìn thấy tác phẩm của ông về nước Việt (Yuè) vào giữa đến cuối thế kỷ thứ nhất, ông là người biên soạn duy nhất của nó.

Việc từ **jué: tuyệt** trong nhan đề của tác phẩm còn tồn tại nhằm mang ý nghĩa "điều tuyệt vời phá kỷ lục" được trình bày rõ ràng trong chương mở đầu, dành cho việc giải thích từ này và các đặc điểm bất thường khác của văn bản. Về hình thức, chương sách bao gồm một hàng loạt câu hỏi, tiếp theo là những câu trả lời trêu chọc, bắt chọt. Chương này có mọi hình dạng bên ngoài là đã được thêm vào bởi một người biên soạn kế tiếp, kẻ muốn đặt cho tác phẩm một nhan đề mới, có lẽ vì nhan đề nguyên thủy khó hiểu, hoặc có lẽ bởi vì ông ấy muốn nhận được một phần công lao cho việc biên soạn tác phẩm.

Tập biên soạn của Ngô Bình (Wú Píng) dường như đã có hai mươi ba chương, theo đó Nguyên Khang (Yuán Kāng) đã bổ sung thêm một chương mở đầu và một chương kết luận, tạo nên tổng cộng hai mươi lăm chương, trong đó mười chín chương vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Việc sáng tác, lưu truyền và cuối cùng là bản in thời Nam Tống (Sòng) của tác phẩm này (khoảng 1215) dường như được thực hiện hoàn toàn bởi những người dân bản địa ở khu vực Cối Kê (Guījī), đông nam thành phố Thiệu Hưng (Shào Xīng) thuộc tỉnh Chiết Giang (Zhèjiāng) ngày nay. Nếu không vì lòng yêu nước trong khu vực, tác phẩm này sẽ không tồn tại

Trước thời nhà Tống (Sòng), những văn bản duy nhất được ấn loát dưới dạng bản in là một số tác phẩm kinh điển và các niên giám. Mọi thứ khác, bao gồm cả những bài thơ của Lý Bạch (Lǐ Bái) và Đỗ Phủ (Dù Fǔ) và các bài khảo luận của Hàn Dũ ([韓愈] Hán Yù) và Liễu Tôn Nguyên ([柳宗元] Liǔ Zōngyuán⁰, được truyền bá bằng cách viết tay sao chép. Người đầu tiên tạo bản in của *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*) là một nhân vật thời Nam Tống đến từ huyện Dư Hàng (Yú Háng [餘杭]), tỉnh Chiết Giang, đã phát đạt trong thời kỳ trị vì Gia Định (Jiāding 嘉定) (1208 - 1224). Tên của ông là Đinh Phú (Dīng Fǔ 丁黼). Trong lời tựa của ấn bản in đầu tiên ông nói: "Vào năm *nhâm tý* (*rén zǐ 壬子*) (1192) trong thời kỳ trị vì Thiệu Hưng (Shào Xīng) (1190 - 1194), trong chuyển rong chơi vùng đất của nước Ngô (Wú), tôi có được một bản sao chép thuộc dòng họ Hứa (Xǔ 許). Những đoạn văn sai sót trong đó rất nhiều. Vào năm *nhâm thân* (*rén shēn 壬申*) (1212) của triều đại Gia Định (Jiāding) (1208 - 1224), khi lên nhiệm chức án sát của Dư Hàng (Yú Háng), tôi có được một bản khác thuộc về Trần Chính Khanh (Chén Zhèngqīng 陳正卿). Vào năm *ất hợi* (*yǐ hài 乙亥*) (1215) khi tôi nhận một chức vụ ở kinh đô [trung đô: (中都)], tôi mượn được một bản trong bộ sưu tập của triều đình, sau đó so sánh các văn bản với nhau. Bằng cách tuyển chọn những đoạn có ý nghĩa, tôi đã đi đến một phiên bản có thể đọc một cách tạm được, mặc dù nó vẫn chưa hoàn hảo. Suy nghĩ về nhiều lỗi trong các phiên bản tôi đã đọc, tôi sợ rằng nếu văn bản không được in, nó sẽ không được phân phối rộng rãi và mọi người sẽ không có phương tiện sửa chữa các bản sao thuộc sở hữu cá nhân, vì vậy tôi đã in nó tại Quỳ Môn (Kuímén 夔門), hy vọng rằng những người khác sẽ tiếp tục công việc này".

Mặc dù tác phẩm vẫn còn xa sự đồng nhất về phong cách, hầu hết các chương của nó thì đồng nhất nội bộ. Một số được dành cho những câu chuyện huyền thoại, một số trong đó sau này được đưa vào phần "vấn đề của Ngô: Wú và Việt: Yuè" được chấp nhận một cách tổng quát và một số trong số đó bị bỏ lại bên lề đường. Hai chương (số 5 và 11) bao gồm lời cổ vấn về chính sách kinh tế được trình bày với Câu Tiễn (Gōu Jiàn) bởi một nhân vật khác chưa được kiểm chứng ở nơi nào khác tên là {Kê Nghê 計倪?}: Jì Ní. Những chương này dường như được lấy cảm hứng từ cùng một kiểu suy nghĩ đã dẫn đến phần "Nghị Luận về nước Tề (Discourses of Qí" của quyền *Quốc Ngữ* (*Guóyǔ*).

Nội dung của mỗi chương như sau:

1. Bản Sự (Ngoại Truyện) : Běn Shì (Wài Zhuàn) 本事)

Bao gồm các câu hỏi và các câu trả lời giải thích nhan đề và các đặc điểm khác của tác phẩm; rõ ràng là công trình của Nguyên Khang (Yuán Kāng).

2. Kinh Bình Vương (Nội Truyện): Jīng Píng-wáng (Nèi Zhuàn) 荆平王 内傳

Kể câu chuyện về cuộc chạy trốn khỏi nước Sở (Chữ) của Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū); trong đó, lần đầu tiên, câu chuyện về cô gái giặt giũ xuất hiện. Nhiều chi tiết nhấn mạnh các điểm tương đồng giữa sự hy sinh của người phụ nữ giặt giũ và của ông lão đánh cá. Khi Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) đến nước Ngô (Wú), Hạp Lư (Hélú [闔 閭] đã sẵn lên ngôi và tuyển dụng Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) sau cuộc đàm thoại trong ba ngày đêm. Không có tin tức gì về việc Ngũ Tử Tư trợ giúp Hạp Lư ám sát vua Vương Liêu (Wáng Liáo: [王 僚].

3. Ngô Địa Truyện (Ngoại Truyện): (Wú Dì Zhuàn) (Wài Zhuàn) 吳地傳

Mô tả các địa điểm kiến trúc chính yếu trong lãnh thổ nước Ngô (Wú), với rất nhiều ghi chú cụ thể về số lượng liên quan đến chiều dài của các bức tường thành, khoảng cách giữa các vị trí, số lượng, loại và vị trí của các cổng thành, v.v. Không có văn bản tiếng Hán nào sớm hơn còn tồn tại ghi lại loại thông tin này. Về khía cạnh này, chương hiện tại và chương 10, “Dì Zhuàn: Địa Truyện,” có thể được coi là tổ tiên sớm nhất của nhiều “dìfang zhì: địa phương chí” (local gazetteers), xuất hiện trong các triều đại tiếp theo.

4. Ngô Nội Truyện (Wú Nèi Zhuàn 吳 内傳)

Ít hơn một phần ba chương sách này thực sự được dành cho lịch sử của nước Ngô (Wú). Những phần này nhấn mạnh sự man rợ của nước Ngô (Wú) và quyết tâm của Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) tự mình trả thù nước Sở (Chữ). Các phần còn lại của chương liên quan đến: sự nghiệp bá chủ của Tề Hoàn Công (Qí Huán-gōng [齊 桓 公]) và Tấn Văn Công (Jìn Wén-gōng [晉 文 公]), và sự vinh quang của các nhà hiền triết cai trị thời xưa: Đường Nghiêu: Táng Yáo [唐 堯], Ngu Thuấn: Yú Shùn [虞 舜], vua Khải [啓] (Qǐ) của triều đại nhà Hạ (Xià), vua Thành Thang :Chéng Tāng [成 湯] của nhà Thương (Shāng), các vua Văn và vua Vũ nhà Chu (Zhōu), và Chu Công [周 公] nước Chu (Zhōu).

5. Kê Nghê Nội Kinh: Jì Ní Nèi Jīng 計 倪 内 經

Bao gồm lời khuyên dành cho Câu Tiễn (Gōu Jiàn) của nước Việt (Yuè) về cách phát triển nông nghiệp và sức mạnh quân sự của nước Việt (Yuè). Một số tham chiếu của nó đến các tập tục và các điều kiện của nước Ngô (Wú) và nước Việt (Yuè) rõ ràng sai niên đại, như khi nó nói về những nhà nho 儒 *ru* du hành từ nơi này sang nơi khác trình bày các lý thuyết của họ trước những người cai trị. Tập trung vào các vấn đề kinh tế, chương này chứa đựng sự đối chiếu với phần "Khảo Luận về nước Tề" (“Discourses of Qí”) trong quyển *Quốc Ngữ* (*Guóyǔ*)

6. Thịnh Dịch (Nội Truyện) Qǐng Dí (Nèi Zhuàn) 請 糴 (內 傳)

Theo lời khuyên của Văn Chung (Wén Zhǒng), Câu Tiễn (Gōu Jiàn) xin phép được mua gạo từ nước Ngô (Wú), để tạo ra mối bất hòa giữa Bá Bĩ (Bó Pǐ [伯 嚭] và Ngũ Tử Tư (Wú Zǐ Xū) trong triều đình nước Ngô (Wú).

7. Sách Khảo (Ngoại Truyện): Cè Kǎo (Wài Zhuàn) 策 考

Chương này dành để đánh giá vai trò của Ngũ Tử Tư (Wú Zǐ Xū), Phạm Lãi (Fàn Lǐ), Văn Chung (Wén Zhǒng) và Bá Bĩ (Bó Pǐ) trong sự thay đổi vận mệnh của nước Ngô (Wú) và nước Việt (Yuè).

8. Phạm Bá (Ngoại Truyện) : Fàn Bó (Wài Zhuàn) 范 伯

Chương này dành cho lý lịch và quan hệ với nhau của các quan chức nước Việt (Yuè) Phạm Lãi (Fàn Lǐ) và Văn Chung (Wén Zhǒng). Cả hai người được cho là đến từ nước Sở (Chǔ), nơi Văn Chung (Wén Zhǒng) là một quan chức cấp cao và Phạm Lãi (Fàn Lǐ) là một nhân viên phục vụ ít người biết đến vì tính lập dị. Chính Văn Chung (Wén Zhǒng) là người đầu tiên phát hiện ra, đánh giá cao và tuyển dụng ông ta.

9. Trần Thành Hằng (Nội Truyện) : Chén Chéng Huán (Nèi Zhuàn) 陳 成 恆

Chương này được dành cho các hoạt động chính trị quốc tế và các bài phát biểu của Tử Cống (Zǐ Gòng) [子 貢], người được miêu tả như một bậc thầy về tài hùng biện, ngoại giao và thông tuệ.

10. Địa Truyện (Ngoại Truyện) Dì Zhuàn (Wài Zhuàn) 地 傳

Giống như “Ngô Địa Truyện”:(Wú Dì Zhuàn”) (Quyển 3), về cơ bản đây giống như một tập địa chí (gazetteer), nhưng nó bao gồm nhiều hơn truyền thuyết phổ biến hơn chương trước. Nó chứa một gia phả [trong nguyên bản ghi genealogy [?], phải là genealogy, chú của Ngô Bắc] của những nhà cai trị nước Việt (Yuè) khác biệt đáng kể với danh sách được đưa ra trong cả quyển *Sử Ký* (*Shǐ Jì*) lẫn phần bình luận “Sách Dẫn” (“Suǒyǐn”) của quyển *Sử Ký* (*Shǐ Jì*) . Nó cũng có các ghi chép về chuyến thăm khu vực của Tần Thủy Hoàng (Qín Shǐ Huáng).

11. Kê Nghê: Jì Ní 計 倪 (Ngoại Truyện: Wài Zhuàn)

Chương này trình bày cách Kê Nghê (Jì Ní), cố vấn kinh tế ở Quyển 5, đặt nước Việt (Yuè) vào đường hướng sau rốt sẽ cho phép nó đánh bại nước Ngô (Wú)

12. Ngô Vương Chiêm Mộng (Ngoại Truyện):: Wú Wáng Zhàn Mèng (Wài Zhuàn) 吳 王 占 夢

Trong chương này, Phù Sai (Fūchāi) có một giấc mơ đầy những chi tiết bí ẩn và đáng nhớ (ông ấy bước vào một cung điện thanh lịch và nhìn thấy hai cái vạc đang sôi nhưng không nấu nướng, hai con chó chu về hướng bắc, v.v.). Tò mò muốn biết giấc mơ có điềm báo gì không liên quan đến chiến dịch dự tính của mình chống lại nước Tề (Qí), ông yêu cầu Bá Bĩ (Bó Pǐ) giải thích giấc mơ. Bá Bĩ (Bó Pǐ) dành cho mọi chi tiết trong giấc mơ một ý nghĩa tốt lành rục rịch.

Mong muốn biết thêm sự giải thích, Phù Sai (Fūchāi) tiếp tục tìm kiếm người giải thích giấc mơ. Một quan chức giới thiệu một người đàn ông ở kinh đô tên là Công Tôn Thịnh [?]: Gōngsūn Shèng . Thịnh [?Shèng] biết mình sắp chết ngay khi đọc lệnh triệu tập đến cung điện. Trong cách giải thích của ông về giấc mơ, mọi chi tiết đều là điềm xấu một cách khốc liệt. Tức giận, vua Phù Sai (Fūchāi) đã cho giết ông. Nhà vua và các chỉ huy của mình sau đó tiến hành tấn công nước Tề (Qí), nhưng ông bị chặn đánh giữa chiến dịch bởi lực lượng của nước Việt (Yuè), sau đó ông đã tự tử, nói về sự xấu hổ mà ông sẽ cảm thấy khi chạm trán với Ngũ Tử Tư (Wú Zǐ Xū) và Công Tôn Thịnh (Gōngsūn Shèng) nơi âm phủ. Tóm lại, đây là một phiên bản thay thế về sự sụp đổ của nước Ngô (Wú), làm nổi bật hành vi thẳng thắn của Công Tôn Thịnh (Gōngsūn Shèng) và bỏ qua tất cả các chi tiết về hội nghị Hoàng Trì [?] (Huángchí) và hậu quả của nó vốn đóng một vai trò nổi bật trong phiên bản nổi tiếng hơn của truyền thuyết này.

13. Bảo Kiếm (Ngoại Truyện): Bảo Jiàn (Wài Zhuàn) 寶劍

Một chuyên gia kiếm thuật kiểm tra và đánh giá năm thanh kiếm quý, được đặt tên, trong bộ sưu tập của Câu Tiễn (Gōu Jiàn), đặc biệt khen ngợi thanh kiếm thứ ba, Chún Jūn [? Thuần Quân]. Nhiều truyền thuyết về kiếm theo sau, liên quan đến những nhà cai trị nước Sở (Chǔ) và nước Tấn (Jìn).

14. Cửu Thuật (Nội Kinh) : Jiǔ Shù (Nèi Jīng) 九術

Trong chương này, Văn Chung (Wén Zhōng) gặp Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và nêu ra 9 phương pháp tấn công nước Ngô (Wú).

15. Quân Khí (Ngoại Truyện) : Jūn Qì (Wài Zhuàn) 軍氣

Phần lớn chương được dành để thảo luận về *khí*: *qì* như một yếu tố quyết định kết quả của các trận chiến. Ở đây *khí*: *qì* nói đến, không phải để chỉ lòng dũng cảm, mà là một số loại hiện thân thần bí nào đó mà các nhà hiền triết biết cách phân tích. Đính kèm ở cuối chương là một đoạn văn liên quan đến phạm vi của các lãnh thổ bị chiếm đóng bởi các nước thời Chiến Quốc (Zhànguó).

16. Châm Trung (Ngoại Truyện): Zhěn Zhōng (Wài Zhuàn) 枕中

Chương này được dành cho một loạt các cuộc thảo luận về chính sách giữa Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và Phạm Lãi (Fàn Lǐ). Các khái niệm và lý thuyết liên quan dường như tương tự với những khái niệm và lý thuyết xuất hiện ở phần “Khảo Luận về nước Việt” (“Discourses of Yuè”) trong quyển *Quốc Ngữ* (*Guóyǔ*).

17. Xuân Thân Quân (ngoại truyện): Chūnshēn Jūn (Wài Zhuàn) 春申君

Chương này cung cấp một sự tường thuật về sự nghiệp và các hoạt động của Xuân Thân Quân (Chūnshēn Jūn), tể tướng của Vua Khảo Liệt (Kǎoliè) [考烈] nước Sở (Chǔ), được ban phong thái ấp tại kinh đô cũ của nước Ngô (Wú) vào năm 256, khác biệt rất nhiều so với sự

tường thuật trong quyển *Sử Ký* (*Shǐ Jì*). Nó kết thúc bằng một bản tóm tắt cực kỳ bị cắt xén về lịch sử nước Sở (Chũ) sau cái chết của ông.

18. Đức Tự (Ngoại Truyện): Dé Xù (Wài Zhuàn) 德序外傳

Đây dường như là chương mà Ngô Bình (Wú Píng) quan niệm sẽ là chương kết thúc của *Việt Tuyền Thư* (*Yuèjuéshū*), hay *Yuèniǔlù* [*? Việt Nữ Lục*], như ông đã đặt tên cho tác phẩm. Nó được dành cho việc xem xét đạo đức và năng lực trí tuệ của Hạp Lư (Hélú), Phù Sai (Fūchāi), Câu Tiễn (Gōu Jiàn), và các quan chức của họ. Tác giả kết luận bằng cách nói rằng, khi biên soạn tác phẩm, quyển *Xuân Thu* (*Chūnqiū*) của Khổng Tử (Kǒngzǐ) đã phục vụ ông như một mô hình. Sau đó, ông giới thiệu và giải thích ngắn gọn tám chương trong tác phẩm, tiêu đề của trong đó có các từ Nội Kinh (Nèi Jīng) và Nội Truyện (Nèi Zhuàn). Vào thời điểm chương này được viết, có tám chương như vậy trong cuốn sách, nhưng hai trong số đó, "Tài Bá" [*? Thái Bá*] và "Bình Pháp" ("Bīng Fǎ") kể từ đó đã bị mất.

19. Thiên Tự (Ngoại Truyện) : Piān Xù (Wài Zhuàn) 篇序外傳

Rõ ràng là do Nguyên Khang (Yuán Kāng) viết. Chương này có 1) một cuộc thảo luận về khả năng của các nhân vật chính trong thiên hùng ca Ngô-Việt (Wú Yuè); 2) một cuộc thảo luận (dưới dạng vấn (hỏi)/đáp (trả lời) về sự sắp xếp và nội dung của các chương Nội Kinh (Nèi Jīng) và Nội Truyện (Nèi Zhuàn), và cuối cùng là một loạt các ám chỉ về người đã viết tác phẩm, từ đó có thể nêu tên Ngô Bình (Wú Píng) và Nguyên Khang (Yuán Kāng).

Phụ lục B:

Ngô-Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū):

Xuất Xứ và Lịch Sử Văn Bản

Tác giả, Triệu Diệp: Zhào Yè 趙曄, dường như được sinh vào khoảng năm 40 sau CN (Công Nguyên) và đã qua đời khoảng 100 sau CN. Ông là người gốc Cối Kê (Guìjī), phục vụ một thời gian ở vùng đó với tư cách một quan chức cấp thấp có trách nhiệm bao gồm việc tiếp đón và chăm sóc các chức sắc đến thăm, sau đó đã vứt bỏ mọi thứ, đến Tứ Xuyên (Sìchuān), và học thơ Hán (Hán Shī) trong khoảng hai mươi năm với một người tên Đỗ Phủ (Dù Fǔ 杜撫). Sau khi Đỗ Phủ mất, ông trở về Cối Kê (Guìjī) và cống hiến hết mình cho việc học và viết.

Tác phẩm, ở dạng mà chúng ta đang sở hữu, bao gồm 10 quyển (*juàn*[卷]), trong đó năm quyển đầu được dành cho sự vụ của nước Ngô (Wú) và năm quyển sau với công việc của nước Việt ((Yuè). Tác phẩm này dường như là một bản tóm tắt tác phẩm của Triệu Diệp vốn có mười hai quyển, được thực hiện bởi Hoàng Phú Tôn [?] (Huángfǔ Zūn).

1. Ngô Thái Bá truyện Wú Tàibó Zhuàn 吳太伯傳

Truy tìm dấu vết tổ tiên của Ngô Thái Bá (Wú Tàibó) từ khởi đầu, mô tả nơi chôn cất của Thái Bá (Tàibó), sau đó ghi lại một sự tường thuật về hậu duệ của ông cho đến Thọ Mông (Shòu Mèng).

2. Ngô Vương Thọ Mông truyện Wú Wáng Shòu Mèng Zhuàn 吳王壽夢傳

Nhấn mạnh sự xa cách về văn hóa của nước Việt (Yuè) với các nước trung tâm. Sơ lược thiếu sót sự tường thuật cuộc thăm viếng của Jì Zhá [Quý Trát Jizhá 季札] đến các nước trung tâm.

3. Vương Liêu Sứ Công Tử Quang truyện ; Wáng Liáo Shǐ Gōngzǐ Guāng Zhuàn 王僚使公子光傳

Chương này lấy tiêu đề từ những từ mở đầu của câu văn đầu tiên. Nó được chú tâm đến lý lịch và các hoạt động của Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū).

4. Hạp Lư nội truyện Hélú Nèi Zhuàn 闔閭內傳

Dành cho sự nghiệp của Hạp Lư (Hélú). Có nhiều chi tiết khác với *Tả Truyện* (*Zuǒzhuàn*) và *Sử Ký* (*Shǐjì*), chẳng hạn như câu chuyện hạ sát Khánh Kỵ [?] Qìng Jì 慶忌.

5. Phù Sai nội truyện Fūchāi Nèi Zhuàn 夫差內傳

Dành cho sự nghiệp của Phù Sai (Fūchāi). Bao gồm câu chuyện giải đoán diễn giấc mơ của Công Tôn Thịnh [?] (Gōngsūn Shèng) từ *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*).

6. Việt Vương Phù Sai (sic) ngoại truyện Yuèwáng Wúyú Wàizhuàn 夫差 [內 sic, 外?] 傳

Chứa đựng những truyền thuyết đầy màu sắc liên quan đến vua Đại Vũ [nhà Hạ] (Yǔ the Great [大禹]). Có một số tường thuật, về các người kế ngôi Phù Sai (Wúyú). những người kế vị. [Phù Sai là vua nước Ngô chứ không phải là Việt Vương, phụ chú của người dịch Ngô Bắc]).

7. Câu Tiễn Nhập Thân ngoại truyện Gōu Jiàn Rù Chén Wàizhuàn 句踐入臣外傳

Bắt đầu với mô tả cảnh các quan chức nước Việt (Yuè) tiễn đưa Câu Tiễn (Gōu Jiàn). Nhiều không gian được dành cho các cuộc tranh luận về sự khôn ngoan tương đối của việc giết hay không giết, phóng thích hay không phóng thích, vua nước Việt (Yuè).

8. Câu Tiễn Quy Quốc ngoại truyện (Gōu Jiàn Guī Guó Wàizhuàn 句踐歸國外傳

Bắt đầu với việc người dân Việt (Yuè) chào đón Câu Tiễn (Gōu Jiàn) trở lại nước, sau đó chuyển sang lời khuyên về chính sách của các quan chức của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) và các phương tiện được sử dụng để đánh lừa nước Ngô (Wú).

9. Câu Tiễn Âm Mưu ngoại truyện Gōu Jiàn Yīn Móu Wàizhuàn 句踐陰謀外傳

Những lo ngại về việc chuẩn bị chiến tranh của Câu Tiễn (Gōu Jiàn) trong năm thứ 10 và 13 dưới thời trị vì của ông. Có tài liệu, chẳng hạn như ca từ của một bài hát tiếng Việt (Yuè) và các chi tiết liên quan đến kỹ thuật quân sự (ví dụ: cung, nỏ), không xuất hiện trong các văn bản trước đó.

10. Câu Tiễn Phạt Ngô ngoại truyện : Gōu Jiàn Fā Wú Wàizhuàn 句踐伐吳外傳

Tóm tắt các sự chuẩn bị chiến tranh của Câu Tiễn (Gōu Jiàn), sau đó kể lại chuỗi các trận chiến cuối cùng. Bao gồm một số bài thơ và lời bài hát cổ đại. Hồn ma của Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) xuất hiện, và Khổng Tử (Kǒngzǐ) cũng xuất hiện, với một quà tặng bằng được phẩm.



印山越国王陵

Ấn Sơn Việt Quốc Vương Lăng

CHÚ THÍCH

Bài viết này bắt đầu như một tham luận tại cuộc họp của Dự Án Thời Chiến Quốc (Warring States Project: WSP) kết hợp với Hiệp Hội Nghiên Cứu Châu Á (Association for Asian Studies: AAS) ở Boston vào ngày 24 tháng 3 năm 2007. Tôi biết ơn Tiến sĩ Bruce Brooks, giám đốc của WSP, đã cung cấp địa điểm cho buổi thuyết trình này và sự kích thích khởi đầu để tham gia vào cuộc nghiên cứu này.

1. Ví dụ, có câu chuyện về chuyến du ngoạn khắp các triều đình của các nước miền Bắc và miền Trung được thực hiện vào năm 544 trước Công Nguyên bởi Hoàng tử Quý Trát Jizhá 季札 (con trai út của Vua Thọ Mông (Shòu Mèng) nước Ngô (Wú), trong đó ông thể hiện sự am hiểu âm nhạc và nghi thức vượt trội hơn nhiều so với các chủ nhà văn minh của ông; xem *Tả Truyện* (Zuǒzhuàn), Tương Công, Chương 29 Mục 13 (Xiāng-gōng 29, Item 13. Đây dường như là một trong những ví dụ trước đây về những quy ước của trí tuệ xuất hiện không đúng chỗ.

2. Địa danh này thường được phát âm là "Kuàijī"; Tuy nhiên, các từ điển có vẻ ưa thích ghi là "Guījī" hơn.

3. Có những điểm khác thường gây tò mò trong cách viết tên Việt (Yuè) trong các văn bản ban đầu. *Trúc Thư Biên Niên (Bamboo Annals)* sử dụng hình thức hai âm tiết (two-syllable form) trong hầu hết mọi trường hợp. Nhà bình luận “Sách dẫn: Suǒyǐn” trong chương 41 *Sử Ký (Shǐjì 41)* sử dụng hình thức đơn âm tiết (single syllable), nhưng đại diện cho từ, không phải với từ *việt: yuè 越* thông thường, mà với từ *việt:yuè 粤* hiện nay thường gắn với văn hóa và ngôn ngữ của Quảng Châu (Guǎngzhōu).

4. *Xuân Thu (Chūnqiū)*, Tương Công (Xiāng-gōng): 12, Mục 4.

5 Về các vấn đề liên quan đến chữ viết đặc biệt của tiếng Việt (Yuè) cổ, xem Michele Thompson, “Scripts, Signs, and Swords: The Việt Peoples and the Origins of Nôm: Chữ viết, Dấu hiệu và Các Thanh Kiếm: Các tộc Việt và Nguồn gốc của chữ Nôm,” *Sino Platonic Papers*, 101 (tháng 3 năm 2000).

6. Đối với tất cả các chi tiết trong đoạn này và những chi tiết tiếp theo liên quan đến văn hóa gò mộ vùng đông nam của Trung Hoa, tôi cảm ơn bài thuyết trình về chủ đề được trình bày tại Đại học University of North Carolina vào ngày 2 tháng 3 năm 2007 của giáo sư Yáng Nán thuộc khoa lịch sử của Đại Học Trung Ương Về Các Dân Tộc (Central University for Nationalities) ở Bắc Kinh

7. Triệu Diệp (Zhào Yè), *Ngô Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)*, với bản dịch và chú thích của Zhāng Jué (Taipei: Táiwān Gǔjī Chūbǎn shè, 1996), *juàn* 10 (“Câu Tiễn Phạt Ngô ngoại truyện: Gōu Jiàn Fā Wú Wàizhuàn”), các trang 486-87.

8 Câu chuyện trùng tu mộ Thiệu Khang (Shàokāng), với một số biến đổi về chi tiết, thực sự xảy ra hai lần trong *Tả Truyện (Zuǒzhuàn)*, đầu tiên trong một sự quả trách được cho là chỉ thị của Ngụy Giáng [?] (Wèi Jiàng) cho Tấn Diệu Công [?] (Jìn Dào-gōng) vào năm 569 (Tương Công 4: Xiàng-gōng 4, từ mục thứ nhì đến cuối cùng) và sau đó trong một lời khuyên được cho là do Ngũ Tử Tư (Wǔ Zǐ Xū) chuyển đến Phù Sai (Fūchāi) năm 494 (Ai-gōng 1, mục thứ hai).

9. Triệu Diệp (Zhào Yè), *Ngô-Việt Xuân Thu (Wú Yuè Chūnqiū)*, với bản dịch và chú thích của Zhāng Jué (Taipei:Táiwān Gǔjī Chūbǎn shè, 1996), *juàn* 6 (“Việt Vương Ngô ngoại truyện: Yuèwáng Wú Wàizhuàn”), các trang 283-85.

10. Yáng Shànqún, *Gōu Jiàn (Câu Tiễn)*, Taipei: Zhīshūfáng Chūbǎnshè, 1993, trang 3-4.

11. *Quốc Ngữ* chương 16 (*Guóyǔ* 16) (“Zhèng yǔ”) đề cập đến nước Việt (Yuè) và một nước khác (Kuǐ [?]), thuộc họ Mễ hay Mị (Mí 𡗗) của những người cai trị nước Sở (Chǔ). Trong ghi chép của mình cho *Quốc Ngữ* 19 (*Guóyǔ* 19) (“Wúyǔ”), nhà bình luận thời Tam Quốc, Wèi Zhāo [Vị Chiêu 韋昭] nói rằng Câu Tiễn (Gōu Jiàn) là “dòng dõi của Zhūróng” [祝融: *chúc dung*], vị thần lửa được cho là tổ tiên cuối cùng của các vị vua của nước Sở (Chǔ). Quyển *Mòzǐ* [墨子: *Mặc Tử*], chương “Fēi Gōng Xià :[?Phi Cung Hạ]” nói rằng vua của nước Việt (Yuè) (ở đó được coi là một trong “bốn cường quốc của thời đại”, cùng với Tề (Qí),Tấn (Jin) và Sở (Chǔ) “xuất

phát từ Hữu Cự: Yǒu Jù 有 遽.” Tác giả [Tôn Di Nhượng, 1848–1908 孫 詒 讓] Sūn Yíráng, đã gợi ý, trong quyển *Mòzǐ Xiángū* [墨 子 閑 詁 : *Mặc Tử nhàn cổ*] của mình, rằng đây có lẽ là ám chỉ đến nhà cai trị Sở Hùng Cừ: Chǔ Xióng Qú 熊 渠 (khoảng năm 887 TCN). *Sử Ký* chương 40 (*Shǐjì* 40) (“Sở thế gia: Chǔ Shìjiā,” trang 1692) nói rằng Hùng Cừ (Xióng Qú) lập con trai út Cháp Tỳ: Zhí Cǐ 執 疵 của mình làm “Việt Chương Vương: Yuè Zhāng Wáng 越 章 王”. Có thể điều này đề cập đến việc ban phong thái ấp nguyên thủy nằm sau sự xuất hiện của nước Việt (Yuè) trong thời gian sau này. [*Hữu*] *Thế Bản: Shì Ben* 有 世 本, một văn bản cuối thời Chiến Quốc, cũng khẳng định những người cai trị nước Việt (Yuè) thuộc dòng dõi nước Sở (Chǔ). Xem Yáng Shànqún, *Gōu Jiàn*, Taipei: Zhīshūfāng Chūbǎnshè, 1993, trang 5-6.

12 Tác giả của các ghi chú phần “Sách dẫn: Suǒyǐn” được đính kèm theo chương 41 *Sử Ký* (*Shǐjì*) 41 tại một điểm nêu ý kiến rằng sự tái diễn ba lần vào giữa thời Chiến Quốc của những từ “Ngô: Wú” ban đầu này có thể có nghĩa rằng đó là một họ (surname). Điều này phản ánh sự hiểu lầm tập chú vào Trung Hoa về các cách đặt tên của người Việt (Yuè). Một khả năng cao hơn là từ *wú* này có nghĩa là “người cai trị” trong tiếng Việt [xưa](Yuè), có lẽ cùng gốc với từ “vua” trong tiếng Mường và tiếng Việt. Vị trí của nó ở đầu mỗi danh hiệu mà nó xuất hiện hoàn toàn phù hợp với cú pháp ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic).

13 Triệu Diệp (Zhào Yè), *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū*), với bản dịch và chú thích của Zhāng Jué (Taipei: Táiwān Gǔjí Chūbǎn shè, 1996), *juàn* 4 (“Hạp Lư nội truyện: Héliú Nèizhuàn”), trang 135.

14 Tác giả của lời bình luận “Zhèng Yì [Chính Ý?]” ở chương 41 *Sử Ký* (*Shǐjì*) 41, nói rằng nhà cai trị này “mở rộng lãnh thổ, làm cho quốc gia của mình trở nên vĩ đại, và tự xưng là *vương* (*wáng*).”

15 *Sử Ký* (*Shǐjì*), (Beijing, Zhōnghuá Shūjú, 1959), *juàn* 41, “Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia: Yuèwáng Gōu Jiàn Shì Jiā,” trang 1751.

16 Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* [?] (Taipei: Sānmín Shūjú, 1997), *quyển juàn* 8 (Chương 10), các trang 69-70. Các tham chiếu rải rác đến các nhà cai trị nước Việt (Yuè) khác xuất hiện trong Chương 3 của tác phẩm này liên quan đến các địa điểm khác nhau trong khu vực kinh đô cũ của nước Ngô (Wú). Tuy nhiên, những nhân vật này không được xác định theo thời gian và cũng không được sắp xếp theo trình tự thời gian, vì vậy không rõ họ là những người cai trị nước Việt (Yuè) chính yếu hay của các nhóm dân Việt (Yuè) nhỏ hơn. Một trong những nhân vật như thế là “Dư Phục Quân: Yúfù Jūn” 餘 復 君, được cho là đã cai trị một nơi gọi là Phục Thành: Fùchéng 復 城; một người khác là “Việt Can Vương: Yuè Gān-wáng” 越 干 王 cai trị Can Thành: Gānchéng 干 城, và một người khác là “Vương Sử: Wáng Shǐ” 王 史, gắn liền với một ngôi mộ lớn trên núi Oan: Yuān 冤, và một ngôi mộ khác là của Việt Kinh Vương: Yuè Jīng-wáng 越 荊王. Một địa điểm khác được cho là mộ của vị vua Việt (Yuè) mà tên gọi không được hay biết đối với văn gia hồi thế kỷ 1 sau Công Nguyên (CN). Xem cùng sách dẫn trên, *quyển* (*juàn*) 2, Chương 4, các trang 42-66.

17. Tham chiếu này và tất cả các tham chiếu tiếp theo đến *Trúc Thư Biên Niên (Bamboo Annals)* đều dựa trên văn bản và bản dịch có trong: James Legge, *The Chinese Classics, Volume III: The Shoo King or The Book of History Documents* (Hong Kong University Press bản in lại, 1960), Lời nói đầu (Prolegomena), Chương IV, các trang.105 - 183. Bởi có vấn đề trong hệ thống chuyển đổi ngày tháng của tác giả Legge, lỗi sai một năm xảy ra trong mỗi tiết mục ghi ngày tháng; ví dụ. 471 TCN (trước Công Nguyên) thay vì 472; vấn đề này đã được sửa chữa ở đây.
18. Yáng Shànqún, *Gōu Jiàn*, Taipei: Zhīshūfāng Chūbǎnshè, 1993, các trang 171-72.
19. Cùng nơi dẫn trên, 1993, trang 176.
20. Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmin Shūjú, 1997), *juàn 2* (Chương 3), các trang 69-70.
21. Yáng Shànqún, *Gōu Jiàn*, Taipei: Zhīshūfāng Chūbǎnshè, 1993, trang 176; điều này một phần dựa trên ghi chú được thêm vào Chí thứ 22 của các “Zhì: Chí” của *Hậu Hán Thư (Hòu Hàn Shū)* do Lưu Chiêu [劉昭] Liú Zhāo trích dẫn từ một đoạn văn hiện đã bị thất lạc trong *Việt Tuyệt Thư (Yuèjuéshū)*. Xem Phạm Diệp (Fàn Yè), *Hòu Hàn Shū* (Beijing, Zhōnghuá Shūjú, 1965), “Zhì Dì Èrshíèr, “Wú Jùn,” các trang 3489-91.
22. Những đoạn văn này được trích trong sách của Yáng Shànqún, *Gōu Jiàn*, Taipei: Zhīshūfāng Chūbǎnshè, 1993, các trang 176 và tiếp theo.
23. *Sử Ký (Shǐjì)*, (Beijing, Zhōnghuá Shūjú, 1959), *juàn 6*, “Qín Shi Huáng Ben Jì,” các trang 232-35.
24. Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmin Shūjú, 1997), *juan 2* (Chương 3), các trang 63, 66. Cuộc nổi dậy của Lưu Ty (Liú Pì) được kể lại rất chi tiết trong *Sử Ký* chương 106 (*Shǐjì*) 106. Lưu Ty (Liú Pì), một người cháu của Lưu Bang (Liú Bāng), đã được phong là “Hoàng Tử nước Ngô : Prince of Wú” từ thuở bắt đầu nhà Hán, ”và thái ấp của ông bao gồm cả vùng núi Cối Kê (Guījī). Sau khi nổi dậy, Lưu Ty (Liú Pì) liên minh với cả Đông Việt (Dōng Yuè) ở phía đông của ông, và với Nam Việt (Nán Yuè) thuộc Phúc Kiến (Fújiàn) ngày nay, nhưng cuối cùng bị phản bội bởi vua Đông Việt (Dōng Yuè).
25. *Hoài Nam Tử (Huáinánzǐ)* (ấn bản Sibú Bèiyào), *quyển (juan)* 18, các trang 16a-16b. Xem thêm Keith Weller Taylor, *The Birth of Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 1983), các trang 15-17.
26. *Sử Ký (Shǐjì)*, (Beijing, Zhōnghuá Shūjú, 1959), *quyển (juàn)* 41, “Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia: Yuèwáng Gōu Jiàn Shì Jiā,” trang 1751.
- 27 Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmin Shūjú, 1997), *juan 2* (Chương 3), trang 48.
28. Đối chiếu với Jerry Norman và Tsu-lin Mei, “Ngữ hệ Nam Á (Austroasiatics) ở Nam Trung Quốc Cổ Đại, Một Số Bằng Chứng Từ Vựng” “The Austroasiatics in Ancient South China, Some Lexical Evidence,” *Monumenta Serica* 32 (1976), các trang 274-301. Các từ tiếng Việt

hiện đại mà Norman và Mei chứng minh sự tồn tại của các từ ven biển đông nam cổ đại cùng gốc là: chết (to die), chó (dog), đồng (shaman [thầy cúng]), con (offspring), ẩm (moist, soaked), sam ([cua] crab), biết (to know), bọt (scum, froth), bèo (duckweed), và kẻ (một loại cá nhỏ).

29. Ví dụ, một đoạn trong *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*) nói, “Thành phố trên đỉnh núi Cối Kê (Guījī) là nơi Câu Tiễn (Gōu Jiàn) trú ẩn sau khi chịu một thất bại nặng nề trong trận chiến với nước Ngô (Wú). Theo đó, ông cho xây dựng một ao cá gỗ [*pond of wood[en] fish*, cụm từ Anh ngữ trong nguyên bản hơi khó hiểu. Theo một truyền thuyết Phật Giáo, một nhà sư được cá giúp vượt qua một trận bão lụt, với lời hứa sẽ thỉnh cầu Đức Phật hướng dẫn con cá đạt được hạnh Bồ Tát. 17 năm sau, nhà sư trở lại dòng sông với các bộ kinh sách mới thỉnh được. Con cá hỏi về lời hứa thỉnh cầu Đức Phật, và nhà sư trả lời đã quên mất. Con cá điên tiết vùng vẫy hất văng nhà sư rơi xuống dòng sông. Một ngư phủ đi ngang qua đã cứu vớt nhà sư khỏi chết đuối, nhưng các bộ kinh thỉnh được đã bị mất ở dòng sông. Đầy tức giận, nhà sư đã dùng gỗ để đẽo gọt hình đầu cá dùng làm mõ, và thật ngạc nhiên, mỗi lần nhà sư dùng chà gỗ gõ mõ, âm thanh của một từ được phát ra. Nhà sư mừng rỡ và gõ mõ đều đặn. Sau vài năm, nhà sư đã thu hồi được các kinh sách đánh mất từ miệng của mõ gỗ hình đầu cá, chủ của Ngô Bắc] bên dưới địa điểm. Lợi nhuận của nó lớn đến mức ông không muốn cho thuê nữa”. Đối chiếu Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xin Yi Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmín Shūjú, 1997), *juan* 8 (Chương 10), trang 199.

30. Để biết thêm chi tiết về xuất xứ và sự lưu truyền của hai văn bản này, vui lòng tham khảo hai phụ lục của bài viết này.

31. Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xin Yi Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmín Shūjú, 1997), *juan* 8 (Chương 10), trang 198.

32. Cùng nơi dẫn trên, *juàn* 8 (Chương 10), các trang 189-90.

33. Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam Chích Quái*, do Lê Hữu Mục biên tập và dịch sang tiếng Việt (Sài Gòn: Khai Trí, 1961), các trang 70-74; Văn bản tiếng Hán, các trang 22-24. Các phần sớm hơn của văn bản này, bao gồm cả câu chuyện được đề cập ở đây, có niên đại từ thế kỷ mười bốn.

34. Cùng nơi dẫn trên, các trang 51-54; văn bản tiếng Hán, các trang 11-13.

35. Liú Jiànguó (biên tập và dịch thuật), *Xin Yi Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmín Shūjú, 1997), *juàn* 2 (Chương 3), lần lượt các trang 69 và 47.

36. Cùng nơi dẫn trên, *juàn* 8 (Chương 10), trang 199.

37. Triệu Diệp (Zhào Yè), *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū*), với bản dịch và chú thích của Zhāng Jué (Taipei: Táiwān Gují Chubān shè, 1996), *juan* 1 (“Wú Tàibó Zhuàn”), trang 14.

38. *Sử Ký* 4 (*Shǐjì* 4) (“Zhōu Běnjì,” các trang 115 và kế tiếp) sử dụng danh xưng Ngụ Trọng (Yú Zhòng) chỉ nhân vật như thế, trong khi *Sử Ký* 31 (*Shǐjì* 31), (“Wú Tàibó Shì Jia,” trang 1445 và

các trang kế tiếp) sử dụng tên gọi Trọng Ung (Zhòng Yōng) và Ngô Trọng Ung (Wú Zhòng Yōng), nhưng không dùng tên Ngu Trong (Yú Zhòng).

39. Xǔ Shèn, *Shuōwén Jiězhì* (Beijing, Zhōnghuá Shūjú, 1979), các trang 213-14.

40. Xem Liú Jiànguó (biên tập và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmin Shūjú, 1997), *juàn* 2 (Chương 3), các trang 39 (Dư Hàng Thành: Yú Háng Chéng 餘杭城) và 42 (Dư Phục Quân : Yú Fù Jun 餘復君 đã cai trị Phục Thành: Fù Chéng 復城).

41. Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược (tái bản, Sài Gòn: Bộ Giáo Dục: Trung Tâm Học Liệu, 1971), trang 85

42. Đây là một đoạn văn bị thất lạc trong *Việt Tuyệt Thư* (*Yuèjuéshū*) được trích dẫn trong một văn bản giống như một quyển địa chí (gazetteer) nhan đề là *Ngô Địa Ký: Wú Dì Jì* 吳地記, rõ ràng là một tác phẩm cuối thời nhà Đường (Táng) với các bổ sung thời nhà Tống (Sòng). Xem Lù Guāngwēi, *Wú Dì Jì*, do Cáo Líndì biên tập (Nánjīng: Jiāngsū Gǔjí Chūbǎnshè, 1999), trang 47.

43. Đây là một đoạn bị thất lạc trong *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū*) được trích trong *Xiūwén Yùlán* 修文御覽 [*Tu Văn Ngự Lãm*]. Xem Triệu Diệp (Zhào Yè), *Ngô Việt Xuân Thu* (*Wú Yuè Chūnqiū*), với bản dịch và chú thích của Zhāng Jué (Taipei: Táiwān Gují Chubān shè, 1996), Phụ lục 1, trang 5.

44. Liú Jiànguó (chủ biên và dịch thuật), *Xīn Yì Yuèjuéshū* (Taipei: Sānmin Shūjú, 1997), *juàn* 8 (Chương 10), trang 191.

45. Cùng nơi dẫn trên, *juàn* 12 (Chương 14), các trang 264-65.

46. *Ngô Địa Ký* (*Wú Dì Jì*): xem chú thích số 42.

47. Xem David Johnson, “The Wu Tzu-hsu Pien-wen and its Sources,” Parts I and II, *Harvard Journal of Asiatic Studies* (sau đây viết tắt là *HJAS*) 40: 1 và 40: 2 (1980), lần lượt, các trang 93-156 và các trang 465-506.

48. Xem Eric Henry, “Chu-ko Liang in the Eyes of His Contemporaries,” *HJAS* 52.2 (1992), các trang 589-612.

49 Xem Donald Holzman, “The Cold Food Festival in Early Medieval China,” *HJAS* 46.1 (1986), các trang 51-79.

50 Xem Eric Henry, “On the Nature of the Kieu Story,” *Vietnam Forum* (Yale University Council on Southeast Asian Studies) 3 (Winter-Spring 1984), các trang 61-98. (Âm tiết *qiáo* trở thành *kiều* trong tiếng Việt)

Nguồn: **Eric Henry**, *The Submerged History of Yue, Sino-Platonic Papers, Number 176, May 2007*, Department of East Asian Languages and Civilizations, University of Pennsylvania, các trang 1- 36.

PHỤ LỤC 1 (của người dịch Ngô Bắc)

Nguồn: https://en.wikipedia.org/wiki/Sword_of_Goujian

THANH KIẾM CỦA VIỆT VƯƠNG CÂU TIỄN

Việt Vương Câu Tiễn Kiếm (phồn thể: 越王勾踐劍; giản thể: 越王勾踐剑; phiên âm quốc tế: Yuèwáng Gōujiàn jiàn) [1] là một thanh kiếm bằng đồng thiếc, nổi tiếng với độ sắc bén khác thường, thiết kế phức tạp và khả năng chống mờ xỉn màu hiếm thấy ở các đồ tạo tác có cùng độ tuổi. Thanh kiếm này thường được cho là của Câu Tiễn, một trong những vị vua cuối cùng của nước Việt thời Xuân Thu.

Vào năm 1965, thanh kiếm được tìm thấy trong một ngôi mộ cổ ở Hồ Bắc. Hiện tại, nó đang được Bảo Tàng tỉnh Hồ Bắc lưu giữ.

Sự phát hiện

Năm 1965, trong khi một cuộc khảo sát khảo cổ đang được thực hiện dọc theo đường ống dẫn nước chính thứ hai của Hồ Chứa Nước Trường Giang ở Kinh Châu, Hồ Bắc, một loạt các ngôi mộ cổ đã được phát hiện ở huyện Giang Lăng. Một cuộc khai quật bắt đầu vào giữa tháng 10 năm 1965, kết thúc vào tháng 1 năm 1966, cuối cùng đã phát hiện ra hơn năm mươi ngôi mộ cổ của nước Sở [Chữ 楚]

Hơn 2.000 hiện vật đã được thu hồi từ các địa điểm, bao gồm một thanh kiếm bằng đồng trang trí công phu, được tìm thấy bên trong một chiếc quan tài cùng với một bộ xương người. Chiếc quan tài được phát hiện vào tháng 12 năm 1965, tại địa điểm Wangshan số 1, cách tàn tích Ying [郢 thành Dĩnh, còn được gọi là Sinh, kinh đô của nước Sở, chú của Ngô Bắc] 7 km (4,3 dặm), hiện được gọi là Ký Nam thành: Jinancheng (纪南), một cố đô của nước Sở (Chữ).

Thanh kiếm được tìm thấy trong một vỏ kiếm bằng gỗ được phủ bằng sơn mài màu đen. Vỏ kiếm gần như vừa khít với thân kiếm. Rút thanh kiếm ra để lộ một lưỡi kiếm gần như không bị xỉn màu, mặc dù ngôi mộ đã bị ngâm trong nước ngầm hơn 2.000 năm. [2]

Sword of Goujian



Goujian sword, Hubei Provincial Museum

Material	Bronze
Created	Spring and Autumn period (771 to 476 BC)
Discovered	1965 in Jiangling County
Present location	Hubei Provincial Museum, Wuhan, Hubei Province, China



Original Bird-Bug Script



Word-by-word Translation

I Yue	II king	III Gou	IV Jian
V self	VI make	VII use	VIII sword

Overall Translation:

This sword is made and used by the King of Yue Gou Jian himself.

Pronunciation (Cantonese/Yue Chinese)

I yut	II wong	III au	IV zin
V zee	VI zok	VII yung	VIII gim

In Ancient Chinese

I 戊	II 王	III 鳩	IV 淺
V 自	VI 乍	VII 用	VIII 劍

In Modern Chinese

I 越	II 王	III 勾	IV 踐
V 自	VI 作	VII 用	VIII 劍

Pronunciation(Mandarin Chinese)

I yue	II wang	III gou	IV jian
V zi	VI zuo	VII yong	VIII jian

Nhận dạng

Một phần của văn bản cổ, có nghĩa 'Vua Việt đích thân chế tác'

(Việt Vương Tự Tác 越王自作)



Giải mã các ký tự trên thanh kiếm của Việt Vương Câu Tiễn

Trên một mặt của lưỡi kiếm, có thể nhìn thấy hai cột văn tự. Tám ký tự được viết bằng một loại văn tự cổ, ngày nay được gọi là văn tự điều trùng triện [鳥蟲篆: điều trùng triện] (nghĩa đen là "các ký tự hình chim và sâu", do các phần trang trí phức tạp của các nét xác định), một biến thể của thư pháp kiểu triện [seal]. Phân tích ban đầu của văn bản đã giải mã được sáu ký tự, "Việt Vương" (tiếng Hán: 越王; phiên âm quốc tế: Yuèwáng) và "chế tác thanh kiếm này để [ông] sử dụng cá nhân" (tiếng Hán: 自作用劍; phiên âm quốc tế: Zì zuò yòng jiàn [tự tác dụng kiếm]). Hai ký tự còn lại được cho là tên của vị vua Việt cụ thể.

Từ khi thanh kiếm ra đời vào năm 510 TCN [trước Công Nguyên] cho đến khi vương quốc này sụp đổ dưới tay nước Sở vào năm 334 TCN (trước Công Nguyên), chín vị vua đã cai trị nước Việt, bao gồm Câu Tiễn, Lu Cheng [*sic*, *Lu Ying*, tức *Lục Ánh?*], Bu Shou [*Bất Thọ*] và Zhu Gou [*Chư Câu*]. Danh tính của vị vua được nêu trong dòng chữ khắc trên thanh kiếm đã gây ra cuộc tranh luận giữa các nhà khảo cổ học và học giả ngôn ngữ Trung Quốc. Cuộc thảo luận chủ yếu được thực hiện thông qua thư từ và có sự tham gia của các học giả nổi tiếng như Quách Mạt Nhược (Guo Moruo). Sau hơn hai tháng, các chuyên gia bắt đầu đi đến thống nhất rằng chủ sở hữu ban đầu của thanh kiếm là Câu Tiễn, vua nước Việt nổi tiếng vì sự kiên quyết của mình trong thời kỳ khó khăn.

Cấu tạo

Thanh kiếm Câu Tiễn dài 55,6 cm (21,9 phân Anh (inches)), bao gồm chuôi kiếm dài 8,4 cm (3,3 in); lưỡi kiếm rộng 4,6 cm (1,8 in) ở phần đế. Thanh kiếm nặng 875 gram (30,9 oz). Ngoài họa tiết hình thoi tối lặp lại ở cả hai mặt lưỡi kiếm, còn có các đồ trang trí bằng pha lê xanh và ngọc lam. Chuôi kiếm được bọc bằng lụa, trong khi nuốm (pommel) kiếm được tạo thành từ mười một vòng tròn đồng tâm.

Thành phần hóa học

Thanh kiếm Câu Tiễn vẫn có lưỡi kiếm sắc bén và không có dấu hiệu xỉn màu. Để tìm hiểu lý do, các nhà khoa học tại Đại học Phục Đán: Fudan University [Thượng Hải] và Hàn Lâm Viện Khoa Học Trung Quốc (CAS: China Academy of Sciences) đã sử dụng thiết bị hiện đại để xác định thành phần hóa học của thanh kiếm, như được thể hiện trong bảng dưới đây.

Lượng nguyên tố theo phần trăm

Phần được kiểm tra	Đồng	Thiếc	Chì	Sắt	Lưu huỳnh	Arsenic
Lưỡi dao	80,3	18,8	0,4	0,4	–	vết
Hoa văn màu vàng	83,1	15,2	0,8	0,8	–	vết
Hoa văn tối	73,9	22,8	1,4	1,8	vết	vết
Vùng tối nhất	68,2	29,1	0,9	1,2	0,5	vết
Cạnh	57,3	29,6	8,7	3,4	0,9	vết
Sống trung tâm	41,5	42,6	6,1	3,7	5,9	vết

Thân lưỡi dao chủ yếu được làm bằng đồng, giúp lưỡi dao mềm dẻo hơn và ít bị rạn vỡ hơn; các cạnh có nhiều hàm lượng thiếc hơn, giúp lưỡi dao cứng hơn và có khả năng giữ được cạnh sắc hơn; chất lưu huỳnh làm giảm khả năng bị xỉn màu ở các hoa văn.

Có khả năng là thành phần hóa học, cùng với vỏ kiếm gần như kín khí, đã dẫn đến tình trạng bảo quản đặc biệt này.

Tổn hại

Năm 1994, khi cho Singapore mượn để trưng bày như một phần của cuộc triển lãm trao đổi văn hóa, một công nhân đã vô tình va thanh kiếm vào hộp đựng, khiến thanh kiếm bị nứt 7 mm (0,28 in). Kể từ đó, Trung Quốc không cho phép mang thanh kiếm ra khỏi đất nước và vào năm 2013 đã chính thức đưa thanh kiếm vào danh sách di tích văn hóa Trung Quốc bị cấm triển lãm ở nước ngoài.[3]

Trong văn hóa đại chúng

Một hình dạng nhân cách hóa của thanh kiếm [của Câu Tiễn] cùng với Ngọn giáo của Fuchai {Ngô Phù Sai} đã được giới thiệu trong “donghua”: *The Country of Rare Treasure năm 2021 Quốc gia của kho báu quý hiếm (秘宝之国 [bí bảo chi quốc]).* [4][5]

Xem thêm

Chuông kim loại (Bell metal)

Spear of Fuchai (Ngọn giáo của Phù Sai), ngọn giáo được sử dụng bởi kẻ thù không đội trời chung của Câu Tiễn (Goujian), vua Phù Sai của nước Ngô

Weapons and armors in Chinese mythology: Vũ khí và áo giáp trong thần thoại Trung Quốc

Tài liệu tham khảo

1. China Science Communication (2021-04-28). 王卉雯 [Wang Huiwen] (ed.). ["Yuèwáng gōujiàn jiàn wéi shén me 'qiānnián bù fǔ'?" 越王勾践剑为什么“千年不腐”?](#) [Why did the Yue King's Sword of Goujian "remain undamaged over thousands over years"?]. *Xinhuanet* 新华网 (in Chinese). Retrieved 2022-02-17.
2. ["Sword of Goujian"](#). *Atlas Obscura*.
3. ["Not just in US ... Chinese relics damaged in Japan, Singapore, Taiwan"](#). *South China Morning Post*. Retrieved 2018-03-29.
4. ["Mi Bao Zhi Guo"](#). Retrieved 2024-09-19 – via myanimelist.net.
5. 哔哩哔哩 番剧. ["秘宝之国"](#). *www.bilibili.com* (in Chinese (China)). Retrieved 2024-09-19.